

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống thiên tai;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho Lực lượng xung kích Phòng, chống thiên tai cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đê điều;

Căn cứ Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 1651/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 514/KH-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang triển khai thực hiện Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Tỉnh ủy;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng về việc phê duyệt Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1183/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thành lập Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu-Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh An Giang trên cơ sở tổ chức lại Ban chỉ đạo Ứng phó với biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 33/TTr-SNNPTNT ngày 18 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh là thành viên Ban Chỉ huy Ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban chỉ đạo QG PCTT;
- VP. Đại diện Cục QLDD và PCTT tại khu vực Miền Nam;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- VP. Tỉnh ủy;
- Công ty Điện lực An Giang;
- Công ty CP Điện Nước An Giang;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP và P.KTN;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH
PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN NĂM 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND tỉnh ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Để chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch ứng phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2025 như sau:

I. Mục đích - yêu cầu của Kế hoạch phòng, chống thiên tai

1. Mục đích

- Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tổn thất về người và tài sản của Nhân dân và Nhà nước do thiên tai gây ra; tăng cường khả năng quản lý rủi ro thiên tai của các cấp, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Xác định được các loại hình, cấp độ rủi ro của các loại thiên tai có nguy cơ xảy ra trên địa bàn tỉnh, đánh giá tác động của thiên tai đến các ngành và lĩnh vực cụ thể.

- Công tác phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, kế hoạch phát triển ngành để chủ động phòng, ngừa, ứng phó kịp thời, giảm thiểu tác hại và khắc phục có hiệu quả sau thiên tai.

- Quán triệt và thực hiện phương châm “Bốn tại chỗ” và nguyên tắc phòng, ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả.

II. Đặc trưng về tự nhiên, dân sinh, kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh

1. Vị trí địa lý, cảnh quan

An Giang có điểm cực Bắc trên vĩ độ 10°57' (xã Khánh An, huyện An Phú), cực Nam trên vĩ độ 10°12' (xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn), cực Tây trên kinh độ 104°46' (xã Vĩnh Gia, huyện Tri Tôn), cực Đông trên kinh độ 105°35' (xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới). Diện tích tự nhiên 3.536 km². Phía Tây Bắc giáp Vương quốc Campuchia; phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp; phía Nam và Tây Nam giáp tỉnh Kiên Giang; phía Đông Nam giáp Thành phố Cần Thơ. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính, gồm 02 thành phố, 02 thị xã và 07 huyện, với

155 xã, phường, thị trấn (trong đó có 27 phường, 110 xã, 18 thị trấn), trong đó có 29 xã, thị trấn vùng núi.

2. Đặc điểm địa hình, tài nguyên đất

Địa hình ở An Giang khá đa dạng, có đồng bằng, nhiều sông rạch (đầu nguồn sông Cửu Long), có núi, có biên giới. Đồng bằng An Giang có 2 dạng chính: đồng bằng phù sa, tiêu biểu là dạng cồn bãi (cù lao) như cù lao Ông Hồ, Phó Ba (TP. Long Xuyên), Bình Thạnh (huyện Châu Thành), Bình Thủy, Khánh Hòa (huyện Châu Phú), Vĩnh Trường (huyện An Phú) của sông Hậu và cù lao Giêng (huyện Chợ Mới), Cồn Cỏ (thị xã Tân Châu). Dạng thứ hai là đồng bằng ven núi, tập trung quanh chân núi Cô Tô (huyện Tri Tôn), núi Dài (phường An Phú - Tịnh Biên), núi Cấm (thị xã Tịnh Biên).

- Địa hình đồng bằng: chia thành 02 vùng, gồm:

+ Vùng cù lao gồm 03 huyện An Phú, Phú Tân, Chợ Mới và thị xã Tân Châu, có cao trình biến thiên từ 1,3 - 3 m và thấp dần từ ven sông vào nội đồng.

+ Vùng hữu ngạn sông Hậu thuộc Tứ giác Long Xuyên gồm TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc, các huyện Châu Phú, Châu Thành và Thoại Sơn có cao trình biến thiên từ 0,8 - 3 m và thấp dần về phía Tây.

- Địa hình đồi núi: tập trung và chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên và một phần phân bố ở huyện Thoại Sơn, TP. Châu Đốc với diện tích khoảng 33 nghìn ha (chiếm khoảng 13% diện tích tự nhiên toàn tỉnh). Khu vực này có nhiều đồi núi với độ cao từ 300 - 710 m, trong đó cao nhất là núi Cấm (710m), núi này cùng với núi Dài và núi Cô Tô tạo nên một dãy núi khá dài kéo từ Cô Tô (Tri Tôn) đến Nhà Bàng (Tịnh Biên) và xen giữa các núi là đồi thấp và đồng bằng nhỏ hẹp. Khu vực chân núi có cao trình từ 4 - 40 m và độ dốc từ 3° - 8° là vùng chuyển tiếp giữa địa hình đồi núi và đồng bằng.

Theo kết quả nghiên cứu phân loại đất “Chương trình Điều tra bổ sung, chỉnh lý, xây dựng bản đồ đất phục vụ quy hoạch nông nghiệp các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long”, cho thấy: toàn tỉnh An Giang có 07 nhóm đất chính với 13 loại đất, trong đó đất phù sa, đất phèn và đất xám có diện tích lớn nhất, còn lại đất xói mòn trơ sỏi đá, đất đỏ vàng, đất lầy – than bùn, đất nhân tác có diện tích không đáng kể.

(1) Nhóm đất phù sa (P): Diện tích lớn nhất khoảng 176.523 ha, chiếm 49,91% diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu dọc ven sông Tiền và sông Hậu, có ở hầu hết các huyện, trừ 02 huyện Tri Tôn và thị xã Tịnh Biên. Đất được hình thành từ các trầm tích trẻ Aluvi, có nguồn gốc sông hoặc sông - đầm lầy không chứa vật liệu sinh phèn.

(2) Nhóm đất phèn (S): Diện tích khoảng 88.212 ha, chiếm 24,94% diện tích tự nhiên. Hầu hết là đất phèn hoạt động, độ sâu trong vòng 120 cm không hiện diện tầng sinh phèn (FeS₂). Phân bố chủ yếu ở khu vực địa hình thấp trũng, các huyện có diện tích đất phèn lớn là Tri Tôn, Tịnh Biên, Thoại Sơn, Châu Phú, Châu Thành, Chợ Mới.

(3) Nhóm đất xám (X): Diện tích khoảng 19.612 ha, chiếm 5,55% diện tích tự nhiên, tập trung chủ yếu ở Tri Tôn, Tịnh Biên.

(4) Nhóm đất xói mòn tro sỏi đá (E): Diện tích khoảng 819,98 ha, chiếm 0,23% diện tích tự nhiên. Phân bố trên các đồi núi, thuộc huyện Tịnh Biên, Tri Tôn, Thoại Sơn, Châu Đốc.

(5) Nhóm đất đỏ vàng (F): Diện tích khoảng 8.773 ha, chiếm 2,48% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Nhóm đất đỏ vàng trong địa bàn tỉnh hiện diện 1 loại đất vàng đỏ trên đá mác-ma axít, ký hiệu Fa. Phân bố: chủ yếu ở khu vực đồi núi, thuộc huyện Tri Tôn (núi Cấm, núi Dài...).

(6) Nhóm đất lầy - than bùn (TS): Diện tích khoảng 1.363 ha, chiếm 0,39% diện tích toàn tỉnh. Phân bố rải rác giữa vùng đất phèn, chủ yếu ở khu vực thị trấn Ba Chúc (huyện Tri Tôn) và xã Tân Lợi (thị xã Tịnh Biên). Đa số lớp than bùn dày 30-40 cm, một vài nơi trên một mét nhưng rất ít (như khu vực xã Lương Phi, Cô Tô, thuộc huyện Tri Tôn).

(7) Nhóm đất nhân tác (Đất lên lớp-V): Diện tích 54.851 ha, chiếm tỷ lệ 15,51% diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung dọc theo các kênh rạch, các trục lộ giao thông lớn và các khu dân cư tập trung ở thành phố, thị xã, thị trấn... Đất nhân tác bao gồm các đất thổ cư, đất lập lợp, đất xây dựng cơ bản...

3. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

- An Giang có đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ không khí trung bình năm khoảng 27,4°C. Tổng lượng mưa năm từ 1.200mm – 1.650mm với mùa khô từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau và bị ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, chiếm khoảng 90% tổng lượng mưa năm và bị ảnh hưởng bởi gió mùa Tây Nam. Độ ẩm không khí trung bình năm khoảng 81%, số giờ nắng năm khoảng 2.480 giờ.

- An Giang có hệ thống sông Tiền, sông Hậu chảy qua, 11 sông và nhánh sông tự nhiên và nhiều kênh rạch tự nhiên và kênh đào tạo nên mạng lưới thủy văn với mật độ 0,72 km/km².

- Chế độ thủy văn ở An Giang phụ thuộc chủ yếu vào chế độ bán nhật triều biển Đông và chịu ảnh hưởng của các yếu tố dòng chảy sông Tiền, sông Hậu, chế độ mưa. Hàng năm trùng vào mùa mưa, An Giang đón nhận con nước lũ và hình thành mùa nước nổi với khoảng 70% diện tích tự nhiên bị ngập từ 1m đến 2,5m, thời gian ngập từ 2,5 đến 5 tháng, thông thường từ tháng 6 đến tháng 11.

4. Đặc điểm dân sinh

- Dân số An Giang 1.938.198 người, với mật độ 540 người/km². Tổng dân số trung bình chia ra: dân số thành thị chiếm 33,83% tổng dân số, dân số nông thôn chiếm 66,17%. Dân số nam chiếm 49,65% tổng dân số, dân số nữ chiếm 50,35%.

- An Giang có 04 dân tộc chủ yếu cùng sinh sống là Kinh (95,15%), Khmer (3,98%), Chăm (0,59%), Hoa (0,27%). Người Khmer có khoảng 94.000 người sống tập trung ở 02 huyện miền núi Tri Tôn, Tịnh Biên và rải rác ở các huyện

Châu Phú, Châu Thành, Thoại Sơn. Người Chăm có trên 15.000 người, cư ngụ tập trung tại các xã đầu nguồn ven sông Hậu như huyện An Phú, thị xã Tân Châu và rải rác ở các huyện Châu Phú, Châu Thành. Người Hoa có trên 5.000 người, ở TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc, TX. Tân Châu.

5. Đặc điểm kinh tế - xã hội

5.1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tăng trưởng Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 3,67%, đạt kế hoạch năm 2024. Toàn tỉnh đã xây dựng và phát triển mô hình chuỗi cung ứng nông - lâm - thủy sản an toàn với các chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn theo VietGAP; hình thành vùng sản xuất chuyên canh, tập trung quy mô lớn đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (thủy sản, trái cây, rau màu, lúa, nếp) gắn với liên kết, tiêu thụ theo chuỗi giá trị nông sản, đảm bảo chất lượng và nhu cầu thị trường. Năm 2024, tỉnh đã triển khai thực hiện Đề án phát triển bền vững một triệu hécta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030 được 1.117 ha mô hình.

5.2. Công nghiệp và xây dựng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành công nghiệp và xây dựng năm 2024 ước tăng 12,73%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 10,42% so với cùng kỳ. Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của tỉnh có nhiều khởi sắc, thị trường trong nước và quốc tế mở rộng. Hoạt động xây dựng tăng trưởng ổn định, tập trung nguồn lực triển khai nhiều dự án, công trình, trọng điểm của tỉnh như cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng vượt tiến độ so với kế hoạch, Tuyến N1 và các công trình trọng điểm khác của tỉnh.

5.3. Thương mại và dịch vụ

Năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế ngành dịch vụ ước tăng 8,34%; doanh thu bán buôn, bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước năm 2024 đạt 228.274 tỷ đồng, tăng 15,31% so năm trước; trong đó, doanh thu hoạt động bán buôn hàng hóa ước đạt 117.420 tỷ đồng, tăng 16,87%, doanh thu hoạt động bán lẻ hàng hóa ước đạt 80.113 tỷ đồng, tăng 13,03%, doanh thu các ngành dịch vụ đạt 30.741 tỷ đồng, tăng 15,49% và doanh thu hoạt động vận tải và kho bãi đạt 8.496 tỷ đồng, tăng 15,80% so năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.220,6 triệu USD, tăng 3,54% so với năm 2023. Thị trường hàng hóa ổn định, được các doanh nghiệp chuẩn bị số lượng dồi dào, chủng loại phong phú, chất lượng đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu mua sắm của người dân.

5.4. Mục tiêu tổng quát thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của tỉnh

Năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng. Cả hệ thống chính trị toàn tỉnh đổi mới, đột phá với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tổ chức thực hiện kịp

thời, linh hoạt, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập trung quyết liệt hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2025, trong đó:

- Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hướng đến chuyển biến về chất, tạo ra nhiều giá trị tăng thêm. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh tiến độ, đặc biệt là hạ tầng giao thông để tạo nền tảng phát triển du lịch, thương mại và dịch vụ, thúc đẩy liên kết vùng. Hoàn thiện đồng bộ các quy hoạch, tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi cho doanh nghiệp và nhà đầu tư đặc biệt là công tác kêu gọi, thu hút đầu tư. Làm tốt công tác hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi; thúc đẩy mạnh mẽ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo vào sản xuất và chế biến, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn gắn với bảo đảm an ninh, an toàn để thúc đẩy phát triển.

- Phát triển văn hóa, xã hội gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân. Thực hiện tốt các chính sách về giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới, nâng cao sức khỏe, phát triển tốt về thể chất, tinh thần cho Nhân dân.

- Tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhưng không làm ảnh hưởng, cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, không hình sự hóa các quan hệ kinh tế và dân sự; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Làm tốt hơn nữa công tác truyền thông chính sách, thông tin, tuyên truyền với tinh thần lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế; góp phần nâng cao uy tín, vị thế nước ta trên trường quốc tế.

6. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

6.1. Giao thông

- Tổng chiều dài của hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh là 4.947,6 km, tỷ lệ nhựa hóa toàn tỉnh đạt 61,9%. Trong đó, có 4 tuyến đường quốc lộ (153,3km), 19 tuyến đường tỉnh (527,9km), 85 tuyến đường huyện (921,4 km). Hệ thống đường xã có tổng chiều 3317,5,7 km, tỷ lệ nhựa - cứng hóa đạt 30,0%. Hệ thống đường đô thị: gồm 1.324 tuyến với tổng chiều dài 692,5 km, tỷ lệ nhựa - cứng hóa đạt 87,1%. Trong đó tập trung chủ yếu ở TP. Long Xuyên, TP. Châu Đốc.

- Hệ thống đường thủy trên địa bàn tỉnh gồm 319 tuyến với tổng chiều dài

2.702,8 km, trong đó: 18 tuyến do Trung ương quản lý với tổng chiều dài 364,6 km; 22 tuyến do tỉnh quản lý với tổng chiều dài 512,3 km; 278 tuyến do huyện quản lý với tổng chiều dài 1.822,9 km; 01 tuyến đường thủy chuyên dùng với chiều dài 2,9 km.

- Công trình phục vụ vận tải: 12 bến xe khách, 5 bến xe tải, 7 cảng thủy (2 cảng hàng hóa, 1 cảng khách và 4 cảng chuyên dùng). Ngoài ra, còn có 573 bến thủy nội địa phân bố trên các tuyến đường thủy do Trung ương và địa phương quản lý; 09 bến phà, 142 bến khách ngang sông phục vụ nhu cầu đi lại của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn: 100% xã có đường ô tô đến trung tâm, đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa. Đường nội xã, liên ấp đã cứng hóa.

6.2. Công trình thủy lợi phòng, chống thiên tai

- Toàn tỉnh có 11.342 công trình thủy lợi đảm bảo cho việc cung cấp nước tưới, nước tiêu, chống lũ, kết hợp giao thông thủy bộ, cấp nước sinh hoạt, cải tạo đất:

- + Sông và kênh các loại: 3.090 công trình, tổng chiều dài 7.422,1 km.

- + Đê bao, bờ bao có 700 tiểu vùng, gồm 2.662 công trình, với chiều dài 5.806,2 km, kiểm soát lũ bảo vệ sản xuất cho hơn 256.634 ha. Trong đó, có 03 công trình đê cấp III vùng Đông kênh Bảy xã, thị xã Tân Châu; 421 tiểu vùng bờ bao kiểm soát triệt để, với 1.659 công trình, chiều dài 4.055,6 km, kiểm soát lũ hơn 193.941 ha; 235 tiểu vùng bờ bao kiểm soát lũ tháng 8, với 843 công trình, chiều dài 1.438,3 km kiểm soát lũ 54.620 ha đất sản xuất 02 vụ và 44 tiểu vùng ngoài bờ bao, với 160 công trình, chiều dài 312,2 km, diện tích 12.074 ha.

- + Công trình cống có 3.060 cống. Trong đó: có 645 cống hở (khẩu độ từ 1,5 ÷ 22 m), 31 cống hộp (khẩu độ từ 1,5 ÷ 4 m) và còn lại là 2.384 cống ngầm (đường kính: Ø60÷2Ø150).

- + Trạm bơm điện có 2.288 trạm bơm; tổng công suất trạm 4.732.317 m³/h; (Trong đó: 2.236 trạm bơm điện và 52 trạm bơm dầu).

- + Hồ chứa nước có 19 hồ. Trong đó: có 09 hồ chứa điều chỉnh theo quy định của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập (có đập dâng) và còn lại 10 hồ chứa không điều chỉnh theo quy định của Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập (không có đập dâng).

- + Kè 223 công trình kè chống sạt lở bờ sông, bờ kênh, với chiều dài 87,8 km (31 công trình kè chống sạt lở bờ sông, chiều dài 22,8 km và 192 công trình kè chống sạt lở bờ kênh, chiều dài 65,0 km).

- Ngoài ra còn nhiều công trình khác: 02 cống hở thay thế 02 đập cao su có nhiệm vụ kiểm soát lũ cho vùng Tứ Giác Long Xuyên; cầu cạn Xuân Tô dài 300 m có nhiệm vụ thoát lượng nước phèn từ cánh đồng phía Campuchia ra biển Tây.

6.3. Mạng lưới điện

- Nguồn điện được cấp điện chủ yếu từ nguồn điện lưới quốc gia qua các trung tâm điện lực đặt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có nhà máy nhiệt điện Ô Môn đặt tại thành phố Cần Thơ bao gồm 02 tổ máy, tổng công suất là 2x330 MW, nhà máy điện khí Cà Mau 2x750 MW; nguồn từ 04 nhà máy điện mặt trời Sao Mai công suất 210 MWp và nhà máy điện mặt trời Văn Giáo 1; 2 với tổng công suất 99,2 MWp và Nhà máy điện mặt trời PEN Việt Nam với công suất 10 MWp; ngoài ra, tỉnh còn phát triển Điện mặt trời áp mái đã thực hiện lắp đặt trên 183,6 MWp. Toàn tỉnh hiện có trên 99% số hộ dân nông thôn có điện.

- Nhìn chung, cùng với nguồn điện lưới quốc gia, các nhà máy điện mặt trời đã đảm bảo cấp điện đầy đủ và an toàn cho tỉnh An Giang trong các năm vừa qua.

6.4. Hệ thống thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình

- Hạ tầng mạng cáp viễn thông: phủ rộng 100% các ấp trên địa bàn tỉnh với tỷ lệ sử dụng đạt 75% dung lượng, trong đó, mạng lưới cáp đồng: 3.094; mạng lưới cáp quang: 85.392. Tổng chiều dài cáp: 12.749 km, tỷ lệ ngầm đạt 6,2%.

- Đến nay 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã có cáp quang tới trung tâm xã và được phủ sóng thông tin di động 3G, 4G; 100% số trường học, bệnh viện, các cơ quan, doanh nghiệp trong tỉnh có kết nối Internet băng rộng.

- Toàn tỉnh có 156/156 Đài Truyền thanh xã, phường, thị trấn; Đài Truyền hình tỉnh An Giang và 11 Đài Truyền thanh cấp huyện. Hệ thống Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và đài truyền thanh huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền tại địa phương, góp phần đưa thông tin tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của người dân ở khắp địa bàn dân cư toàn tỉnh. Hệ thống đài truyền thanh cơ sở được tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa theo Đề án, tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng phục vụ công tác tuyên truyền trên địa bàn. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn phát triển ổn định, góp phần đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

6.5. Hệ thống cấp nước sạch, xử lý môi trường:

- Trên toàn tỉnh có 166 hệ thống cấp nước tập trung phục vụ cho 97,11% hộ dân. Trong đó, 98,56% dân số đô thị và 96,29% dân số nông thôn được cung cấp nước sạch.

- Hiện toàn tỉnh có 03 Khu công nghiệp đang hoạt động, trong đó 2 khu công nghiệp Bình Long và Bình Hòa đã hoạt động với tỷ lệ lấp đầy cao (85% và 100%). Riêng đối với Khu công nghiệp Xuân Tô hiện chưa thu hút được doanh nghiệp vào triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại các khu cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước gồm hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng, các trạm xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp đã được xây, cụ thể gồm: Khu công nghiệp Bình Hòa công suất trạm xử lý 2.000 m³/ngày đêm. Khu công nghiệp Bình Long công suất trạm xử lý 4.000 m³/ngày đêm.

- Có 14 cụm công nghiệp đã có doanh nghiệp hoạt động hạ tầng thoát nước tại các cụm công nghiệp hiện nay đã được đầu tư xây dựng riêng cho nước mưa và nước thải.

- Trên toàn tỉnh có 22/22 cơ sở y tế có đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế tập trung, tỷ lệ nước thải y tế được xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn là 100%.

6.6. Hệ thống y tế

Toàn tỉnh có 20 bệnh viện, 4 nhà hộ sinh, 4 phòng khám đa khoa khu vực, 156 trạm y tế xã/phường và 2.076 cơ sở y tế khác, với tổng số 6.683 giường bệnh (bình quân 26,13 giường bệnh/10000 dân) và 5.858 nhân viên y tế (trong đó 1.633 bác sĩ, 1.166 y sĩ).

6.7. Giáo dục

- Đến nay, mạng lưới các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đã phủ kín các xã, phường, thị trấn. Mỗi huyện, thị, thành phố đều có từ 03 đến 07 trường trung học phổ thông. Cơ sở vật chất giáo dục tiếp tục được đầu tư về cả lượng và chất. Toàn tỉnh hiện có 713 trường học các cấp, gồm 01 nhà trẻ, 197 trường mầm non (trong đó có 19 trường ngoài công lập); 305 trường tiểu học (100% là trường công lập); 156 trường trung học cơ sở (100% trường công lập); 54 trường trung học phổ thông (trong đó có 03 trường ngoài công lập).

- An Giang có 01 Trung tâm Giáo dục Thường xuyên An Giang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, 05 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) cấp huyện, và 05 trường trung cấp có dạy hệ Giáo dục Thường xuyên trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Toàn tỉnh hiện có 32 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gồm: 02 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp và 17 cơ sở khác tham gia đào tạo nghề.

- Ngoài ra, tỉnh có Trường Đại học An Giang thành thành viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

6.8. Nhà ở

- Về chất lượng nhà ở: Trong khoảng thời gian 03 năm trở lại đây, lượng nhà ở phát triển mới trên địa bàn tỉnh chủ yếu là loại hình nhà ở kiên cố, một phần nhỏ là nhà ở thiếu kiên cố, không xây dựng mới loại hình nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ, bên cạnh đó tỉnh đã áp dụng các chính sách cũng như huy động thêm nhiều nguồn vốn xã hội hóa giúp các hộ dân sửa chữa, cải thiện thêm về chất lượng nhà ở. Vì vậy đến năm 2023, lượng nhà ở kiên cố và bán kiên cố tăng từ 78,04% lên 86,5%, nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ giảm từ 21,96% năm 2020 còn 13,5% năm 2023.

III. Đánh giá hiện trạng công tác phòng, chống thiên tai của tỉnh

1. Hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến phòng, chống thiên tai

Tỉnh đã triển khai đầy đủ các công tác phòng, chống thiên tai theo quy định tại Luật Phòng chống, thiên tai, các văn bản dưới Luật và chính sách, chủ trương của Đảng, Chính phủ; chủ động phòng ngừa, thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai.

Trong quá trình triển khai công tác phòng chống thiên tai, tiềm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự vẫn tồn tại một số các bất cập như: cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa Trung ương, các sở, ban, ngành, địa phương chưa đồng bộ, chưa áp dụng khoa học công nghệ nhiều trong việc hỗ trợ ra quyết định (như: số hóa cơ sở dữ liệu và bản đồ thiên tai; các phần mềm thống kê, tổng hợp; công nghệ viễn thám, GPS),...

2. Hệ thống chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp và quy chế phối hợp

2.1. Cơ cấu tổ chức

- Đã thành lập Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh An Giang (*theo Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 09/12/2021*) xuyên suốt từ cấp tỉnh, huyện, thị, thành, xã, phường, thị trấn. Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự các ngành, các cấp được thành lập đúng theo Luật Phòng, chống thiên tai. Các thành viên trong Ban chỉ huy được phân công nhiệm vụ rõ ràng.

- Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh ban hành các Quyết định: **(1)** Quy chế về công tác trực ban, họp và ban hành văn bản chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai (*Quyết định số 26/QĐ-BCH ngày 05/4/2022*); **(2)** Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh An Giang (*Quyết định số 27/QĐ-BCH ngày 07/4/2022*); **(3)** Quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ huy Ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh An Giang năm 2024 (*Quyết định số 1567/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh*).

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh phụ trách phòng, chống thiên tai. Trụ sở chính của Văn phòng Thường trực đặt tại Chi cục Thủy lợi trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực phụ trách biến đổi khí hậu; là đầu mối xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trên địa tỉnh. Bộ phận thường trực phụ trách Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự đặt tại phòng Tham mưu thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Đến nay trên địa bàn tỉnh đã có **156/156** cấp xã ban hành Quyết định thành lập đội, lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã và Quyết định quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng xung kích theo Quyết định

số 08/QĐ-TWPCTT, với số lượng 10.920 thành viên.

2.2. Về số lượng cán bộ

- Cấp tỉnh có 03 biên chế thực hiện kiêm nhiệm công tác phòng chống thiên tai (*có 02 chuyên viên và 01 Chi cục trưởng kiêm Chánh văn phòng*). Cấp huyện có 02 biên chế thực hiện kiêm nhiệm công tác phòng chống thiên tai (*Thường là Trưởng phòng và 01 chuyên viên*) và cấp xã có 1 công chức thống kê giao thông, thủy lợi cấp xã kiêm nhiệm.

- Cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai các cấp từ tỉnh đến huyện và xã hầu hết là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi (*luân chuyển, điều động*), chưa có cán bộ được đào tạo qua trường lớp, chủ yếu là trao đổi, học hỏi kinh nghiệm và nghiên cứu tài liệu. Với số lượng cán bộ ít nhưng lại phụ trách khối lượng công việc lớn nên việc triển khai, thực thi các chủ trương, chính sách còn gặp nhiều khó khăn, thời gian thực hiện kéo dài.

2.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của Văn phòng thường trực cấp tỉnh và huyện

- Văn phòng thường trực cấp tỉnh đã cơ bản đảm bảo yêu cầu về phòng họp, trang thiết bị: Máy chiếu, máy tính, điện thoại, máy fax, máy phát điện, máy in, máy photo, flycam,... Tuy nhiên, về văn phòng chưa đảm bảo được diện tích tại Công văn số 41/TWPCTT ngày 27/2/2018.

- Văn phòng thường trực cấp huyện trang bị cơ bản như: Máy chiếu, máy tính, điện thoại, máy fax, máy phát điện, máy in, máy photo,...

2.4. Quy chế phối hợp

Thực hiện theo Quyết định số 27/QĐ-BCH ngày 07/4/2022 của Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh An Giang và Quyết định số 26/QĐ-BCH ngày 05/4/2022 của Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh về Quy chế về công tác trực ban, họp và ban hành văn bản chỉ đạo điều hành phòng chống thiên tai tỉnh An Giang.

3. Công tác dự báo, cảnh báo sớm

- Các bản tin đã được phát hành trong năm 2024 bao gồm bản tin Khí tượng thủy văn thời hạn tuần, tháng, mùa; thông báo xâm nhập mặn; bản tin bão, áp thấp nhiệt đới; tin nước lên, tin lũ, tin cảnh báo triều cường; bản tin dự báo thủy văn hạn ngắn các sông, kênh, rạch; tin cảnh báo thời tiết nguy hiểm, bản tin dự báo thời tiết hàng ngày và thời tiết điểm tại 11 huyện, thị xã, thành phố.

- Công tác dự báo phục vụ của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh An Giang đối với địa phương đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đạt hiệu quả cao giúp lãnh đạo tỉnh, các sở, ban ngành, địa phương kịp thời chỉ đạo trong công tác phòng chống thiên tai.

4. Phương tiện, vật tư, trang thiết bị phục vụ phòng, chống thiên tai

Qua kết quả rà soát, tính đến đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh có trên 30 chủng loại, với tổng số gần 33.000 phương tiện, trang thiết bị các loại, ... phục vụ công tác phòng thủ dân sự, ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh (Trong đó, phương tiện vận tải đường bộ có 117 chiếc; phương tiện cứu hộ, cứu nạn trên sông: 451 chiếc; nhà bạt, dù các loại: 369 bộ; phao áo, phao tròn, phao bè các loại: 23.427 chiếc và khoảng 8.107 phương tiện, trang thiết bị khác,...). Các phương tiện chủ yếu từ các nguồn viện trợ, dự trữ Quốc gia và huy động trong dân là chính. Ngoài ra, tùy theo tính chất phức tạp của loại hình thiên mà chuyên dùng thêm xe, phương tiện của Quân đội, Công an, ngành Giao thông (ca nô, nhà bạt, áo phao, máy phát điện, máy thông tin, cưa máy, súng bắn pháo hiệu, đạn pháo hiệu, thiết bị bắn dây,...).

- Trong số các phương tiện trên thì có khoảng 54,14% phương tiện hay gặp hư hỏng, một số đã qua sửa chữa lớn và khoảng 10,46% phương tiện bị hư hỏng nặng, một số không sửa chữa được, một số đang chờ thanh lý.

- Lương thực, thực phẩm, thuốc men, nước sạch và chất đốt: trong năm 2024 Sở Công Thương chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai công tác phòng chống thiên tai, trong đó công tác dự trữ hàng hóa thiết yếu là nhiệm vụ trọng tâm. Có 14 doanh nghiệp với gần 100 điểm bán hàng trên địa bàn tỉnh đăng ký tham gia kế hoạch dự trữ hàng hóa phòng chống thiên tai. Hiện nay, tại mỗi huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh An Giang có ít nhất 5-6 siêu thị, cửa hàng tiện ích cung ứng hàng hóa cho địa phương. Ngoài ra, còn hơn 21 doanh nghiệp kinh doanh gạo và 500 cửa hàng kinh doanh xăng, dầu có thể điều tiết và cung ứng hàng hóa khi thiên tai xảy ra. Bên cạnh đó, Sở Y tế cũng đã có kế hoạch dự trữ cơ sở thuốc, viên làm sạch nước, thuốc chống dịch bệnh,... sẵn sàng cung cấp về địa phương khi có thiên tai xảy ra.

5. Công tác cứu hộ, cứu nạn

- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh là lực lượng chủ yếu trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh; các lực lượng này hàng năm đều được củng cố, kiện toàn và có kế hoạch tổ chức lực lượng, phương tiện, phân công nhiệm vụ để thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Lực lượng cứu nạn, cứu hộ của tỉnh bao gồm: Quân sự (lực lượng cứu hộ, cứu nạn trên bộ), Bộ đội Biên phòng (lực lượng tìm kiếm cứu nạn khu vực biên giới), Công an, Y tế, Đoàn thanh niên, lực lượng Dân quân tự vệ, xung kích,... Công tác cứu nạn, cứu hộ luôn được phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tìm kiếm cứu nạn các cấp.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch sẵn sàng tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc đơn vị mình và chi viện cho các địa phương khi có yêu cầu.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố huy động lực lượng trên địa bàn, với nòng cốt vẫn là lực lượng vũ trang, cần có kế hoạch dự phòng đối với các

doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trên địa bàn chuẩn bị sẵn lương thực, thực phẩm thiết yếu để cung cấp khi cần thiết.

- Củng cố và phát triển mạng lưới kết hợp quân dân y, thực hiện tốt công tác kết hợp quân dân y trong phòng chống dịch bệnh, thực hiện các chương trình y tế, chuẩn bị đáp ứng các tình huống khẩn cấp, thiên tai, thảm họa. Tham gia diễn tập khu vực phòng thủ tại các huyện, thị, thành phố.

6. Thông tin, truyền thông trong phòng, chống thiên tai

- Công tác tuyên truyền thông được thực hiện thường xuyên qua các bản tin, bài viết phóng sự, câu chuyện truyền thanh và chuyên mục về tình hình thiên tai, cách phòng tránh trên Cổng Thông tin điện tử An Giang, Cổng Thông tin điện tử Sở Thông tin và Truyền Thông, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang và Đài Truyền thanh 11 huyện, thị, thành phố.

- Các bản tin về thiên tai được thông báo liên tục trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của các cấp kịp thời đến từng người dân để biết, chủ động ứng phó với thiên tai, bảo vệ sản xuất, ổn định đời sống. Với các trường hợp khẩn cấp khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị doanh nghiệp viễn thông nhắn tin cảnh báo thiên tai đến các thuê bao di động của người dân trên địa bàn tỉnh.

7. Năng lực và nhận thức của cộng đồng trong phòng, chống thiên tai

- Đã tổ chức **07** lớp tập huấn cho **849** cán bộ cấp xã, ấp là thành viên của Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự xã và lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã của 07 huyện, thị gồm An Phú, Chợ Mới, Tri Tôn, Phú Tân, Châu Thành và thị xã Tân Châu, Tịnh Biên.

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy tỉnh tổ chức 05 lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về thủy lợi, đê điều và Phòng, chống thiên tai cho 301 cán bộ cấp xã, ấp và người dân của các xã Hiệp Xương, Phú Bình, Bình Thạnh Đông huyện Phú Tân và xã Kiến An, Long Kiên huyện Chợ Mới.

- Tổ chức 05 cuộc diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã (xã Phú Hội, Phú Hữu, Vĩnh Lộc, Vĩnh Trường, huyện An Phú và xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành). Qua diễn tập, đã góp phần nâng cao nhận thức kỹ năng của lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp, thông qua các hoạt động truyền thông đã góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng trong phòng, chống thiên tai.

- Hội Chữ thập đỏ tỉnh An Giang tổ chức 04 lớp tập huấn cho hơn 90 tình nguyện viên về những kiến thức cơ bản về thiên tai và hướng dẫn kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu do tại nạn, thiên tai gây ra.

- Toàn tỉnh đã tổ chức 760 lớp phổ cập bơi cho hơn 35.272 em trong độ tuổi từ 6 đến 11 tuổi (trong đó có 26.288 em biết bơi và ra lớp), nâng tổng số em đã phổ cập bơi trong toàn tỉnh từ năm 2002 đến nay lên 391.898 em.

- Trong mùa lũ 2024, huyện An Phú đã phối hợp tổ chức 01 tuyến đưa rước học sinh mùa lũ tại các xã Vĩnh Hội Đông với tổng số khoảng 21 học sinh. Ước tổng kinh phí khoảng trên 21 triệu đồng.

- Mặc dù hàng năm công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn luôn được triển khai, nhưng do số lớp và số lượng người dân tham gia tập huấn, nâng cao năng lực phòng chống thiên tai chưa nhiều, số cuộc diễn tập về công tác phòng chống thiên tai còn hạn chế; đồng thời, do đặc thù của tỉnh ít bị ảnh hưởng bởi loại thiên tai có cường độ mạnh và phạm vi lớn, nên người dân còn chủ quan trong việc phòng ngừa, ứng phó thiên tai. Vì vậy, mức độ nhận thức của cộng đồng về lĩnh vực phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh nhìn chung chưa cao.

8. Đánh giá năng lực các cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai

8.1. Hệ thống trạm quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh

Trên địa bàn tỉnh hiện có 85 trạm khí tượng thủy văn: Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia là 43 trạm (*02 trạm Khí tượng, 07 trạm Thủy văn, 26 điểm đo mực nước, đo mưa tự động (dự án WB4, WB5), 02 trạm Tài nguyên nước (Dự án Quản lý tổng hợp tài nguyên nước Mê Công, 06 điểm đo mưa tự động (dự án Hàn Quốc, Vrain))*); Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng là 42 trạm (*trạm Thủy văn chuyên dùng: 07 trạm; 19 điểm đo mực nước, đo mưa tự động (dự án GIZ và AGU; 04 điểm đo mặn; 12 điểm mực nước, đo mưa tự động chuyên dùng Phòng chống thiên tai (PCTT)*).

Hiện nay, một số thiết bị của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và các trạm Khí tượng Thủy văn chưa đồng bộ, hoạt động kém hiệu quả, thiết bị thuộc loại độc quyền của nhà sản xuất, một số thiết bị do sử dụng lâu năm chưa được thay thế. Một số trạm Khí tượng Thủy văn đã xây dựng nhiều năm, hiện đang xuống cấp.

Cảnh báo dông, sét là các thiên tai xảy ra nhanh đã được thực hiện, nhưng chưa thực sự hiệu quả về thời gian. Hiện nay, chưa có trạm cảnh báo dông, sét trên địa bàn tỉnh.

8.2. Về hệ thống công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai

- Hệ thống công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai đã phát huy được hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp và nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân như đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho toàn bộ diện tích canh tác, đồng thời thau chua rửa phèn cải tạo đất, chống úng, kiểm soát lũ để chủ động sản xuất cho 03 vụ.

- Được Dự án Thích ứng với Biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MCRP) do Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) hỗ trợ xây dựng "Cơ sở dữ liệu ngành nước Đồng bằng sông Cửu Long", giao diện WebGIS này được tích hợp vào cổng thông tin điện tử (website) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và máy chủ do Chi cục Thủy lợi quản lý, giúp giám sát tập trung, trực tuyến, chủ động, khách quan số liệu vận hành công trình thủy lợi như: mực nước tại các

điểm đo, nhật ký vận hành công, nhật ký vận hành trạm bơm... trên toàn địa bàn quản lý.

- Tuy nhiên, với số lượng lớn công trình thủy lợi thường xuyên chịu tác động của biến đổi khí hậu, nguồn lực đầu tư phát triển có hạn nên chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cấp duy tu, sửa chữa hàng năm, chỉ đáp ứng được một số công trình cấp thiết. Hệ thống kênh nội đồng chưa được hoàn chỉnh, quy mô nhỏ, bị bồi lắng qua nhiều năm sử dụng... chưa đảm bảo cung cấp nước tưới vào mùa khô cho một số khu vực cục bộ, nhất là vùng cao thuộc 02 huyện miền núi Tri Tôn và Tịnh Biên, vào mùa mưa thường bị ngập úng, hệ thống trạm bơm, kênh nội đồng chưa đảm bảo chuyển nguồn nước tiêu úng.

- Hệ thống hồ chứa nước với quy mô nhỏ (công trình cấp III và cấp IV) hiện chưa khai thác hết tiềm năng hiện có do chưa được đầu tư đúng mức.

8.3. Hệ thống giao thông

Hiện trạng hệ thống giao thông toàn tỉnh đã cơ bản hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn, có khả năng kết nối giao thông thủy, bộ và liên kết được với hệ thống giao thông các tỉnh lân cận. Nhưng hiện tại còn nhiều tuyến đường có chất lượng hạn chế như: bề rộng mặt đường nhỏ, hư hỏng, nhiều vị trí sạt lở đã làm ảnh hưởng đến tốc độ lưu thông, an toàn của các phương tiện tham gia phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự.

Đa số các đường tỉnh lộ, lộ giao thông nông thôn liên xã đều được thiết kế vượt cao trình đỉnh lũ năm 2000 và 2011. Do đó, không xảy ra ngập lụt đường tỉnh lộ, lộ giao thông nông thôn do lũ gây ra.

8.4. Hệ thống truyền thanh

Hệ thống trang thiết bị truyền thanh tuy đã được đầu tư, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì hàng năm, nhưng do thiết bị ngoài trời dễ hỏng, nên việc đầu tư và thay thế chưa đáp ứng nhu cầu, dẫn đến tỷ lệ phủ sóng khu dân cư chưa đạt theo kế hoạch.

9. Đánh giá thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các chương trình, dự án, kế hoạch, quy hoạch của các ngành, phát triển kinh tế - xã hội

- Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp các sở, ngành liên quan thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT và Sổ tay hướng dẫn thực hiện Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

- Ngày 15/11/2023 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1369/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Qua đó, chính thức trở thành cơ sở pháp lý và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang trong thời gian tới. Trên cơ sở Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến

năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hoàn thiện hồ sơ, cơ sở dữ liệu Quy hoạch tỉnh theo Công điện số 46/CD-TTg ngày 09/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tuy nhiên, do một số nội dung kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai của một số địa phương chưa thật sự sát với tình hình thực tế (nhất là đối với cấp xã) và nguồn lực còn hạn chế, vì vậy vẫn còn nhiều địa phương chưa lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

10. Đánh giá về công tác phục hồi, tái thiết

- Tại các địa phương bị thiệt hại, ảnh hưởng do thiên tai gây ra, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự các cấp, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện đã quán triệt và thực hiện tốt phương châm “Bốn tại chỗ” và “Ba sẵn sàng” nên công tác khắc phục thiệt hại được khẩn trương thực hiện, đạt kết quả, góp phần ổn định đời sống Nhân dân.

- Trong năm 2024, đã huy động từ các nguồn để hỗ trợ cho người dân bị thiên tai với số tiền là 22.444,27 triệu đồng, trong đó: 120 triệu đồng từ nguồn vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, huyện; 160,785 triệu đồng từ Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh; 6.000 triệu đồng từ nguồn Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, và 16.163,485 triệu đồng từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai để hỗ trợ cho 805 hộ bị thiệt hại do đông đúc, các hộ dân bị ảnh hưởng sạt lở buộc phải di dời nhà ở, các hộ dân bị thiệt hại về sản xuất nông nghiệp và gia cố sạt lở.

11. Hiện trạng nguồn lực tài chính

- Nguồn lực tài chính của tỉnh phục vụ cho công tác Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chủ yếu là từ ngân sách tỉnh; Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh, các nguồn huy động, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân.

- Tổng thu Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2024 trên địa bàn tỉnh 36.108 triệu đồng (*tỉnh: 21.727 triệu đồng; huyện 14.381 triệu đồng*).

- Nguồn kinh phí phục vụ công tác Phòng, chống thiên tai hiện nay chưa đáp ứng hết được các yêu cầu, dẫn đến khó khăn trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình Phòng, chống thiên tai, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

IV. TÌNH HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRONG NĂM 2024

Ước tổng thiệt hại **11.371** triệu đồng (*trong đó, thiệt hại do sạt lở: 1,940 triệu đồng; thiệt hại do mưa, đông đúc, sét: 9.431 triệu đồng*), cụ thể:

1. Thiệt hại do sạt lở, sụt lún đất bờ sông, kênh, rạch: Ước tổng thiệt hại về đất khoảng **1.940 triệu đồng**.

Tính đến ngày 31/12/2024, trên địa bàn tỉnh xảy **65** vụ sạt lở, rạn nứt, sụp lún đất bờ sông, kênh, rạch (*An Phú: 15 vụ; Chợ Mới: 01 vụ; Tri Tôn: 09 vụ; Châu Phú: 18 vụ; Long Xuyên: 02 vụ; Tân Châu: 13 vụ; Phú Tân: 05 vụ; Thoại Sơn: 01 vụ; Châu Thành: 01 vụ*), với tổng chiều dài **2.292m**. Ảnh hưởng đến **51**

căn nhà. Số vụ sạt lở năm 2024 **giảm $\frac{1}{2}$ lần** so với số vụ sạt lở năm 2023 (năm 2023 là **129 vụ**, với chiều dài sạt lở **6.764m** giảm $\frac{2}{3}$ chiều dài, ảnh hưởng đến **90 căn nhà**). Diễn hình là sự cố sạt trượt mái đê, lún nứt mặt đê ngày 20/9/2024 thuộc tuyến đê bờ Bắc Kênh Xáng (thuộc hệ thống đê cấp III vùng Đông kênh Bảy Xã) tại vị trí K3+300 thuộc ấp Tân Hậu A1, xã Tân An, thị xã Tân Châu, với chiều dài 20m, ăn sâu vào đất liền khoảng 3,0m.

2. Thiệt hại do mưa đông, lốc, sét: Ước tổng thiệt hại: **9.431** triệu đồng.

2.1. Thiệt hại về người: 01 người bị cây ngã đè chết trên địa bàn huyện Chợ Mới và 03 người bị thương nhẹ trên địa bàn thị xã Tân Châu. Năm 2024 không có người chết do sét và tăng 01 người bị thương do đông lốc (năm 2023 là 02 người chết do sét và 02 người bị thương do đông lốc).

2.2. Thiệt hại về tài sản: Ước thiệt hại khoảng **7.451** triệu đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2024, đã xảy ra **51** vụ mưa đông (An Phú: 07 vụ; Châu Thành: 06 vụ; Tri Tôn: 04 vụ; Tân Châu: 04 vụ; Tịnh Biên: 08 vụ; Phú Tân: 08 vụ; Châu Đốc: 02 vụ; Chợ Mới: 04 vụ; Thoại Sơn: 03 vụ; Châu Phú: 03 vụ; Long Xuyên: 02 vụ), làm thiệt hại **413¹** căn nhà bị sập, tốc mái (An Phú: 62 căn; Châu Thành: 30 căn; Tri Tôn: 11 căn; Tân Châu: 86 căn; Tịnh Biên: 29 căn; Phú Tân: 52 căn; Châu Đốc: 16 căn; Chợ Mới: 22 căn; Thoại Sơn: 43 căn; Châu Phú: 58 căn; Long Xuyên: 04 căn). Giảm hơn 04 vụ so với năm 2023 (năm 2023 là 55 vụ, thiệt hại 694 căn nhà).

- Ngoài ra, mưa, đông còn làm đổ ngã cây làm ảnh hưởng đến đường dây điện hạ thế; làm đứt đường dây trung thế 01 pha trên địa bàn huyện Châu Phú; biển hiệu, cây xanh bị đổ ngã trên địa bàn thành phố Châu Đốc; sập mái che nắng trường THCS Phú Bình, huyện Phú Tân và tốc mái 05 nhà ghe trên địa bàn huyện An Phú; ngã trụ điện trung thế, hạ thế trên địa bàn huyện Tri Tôn, Thoại Sơn; Công ty TNHH Nông nghiệp Vạn Phúc Hưng, ấp Vĩnh An, xã Vĩnh Phước, huyện Tri Tôn mưa, đông làm tốc mái hoàn toàn trại làm việc với diện tích 216 m².

2.3. Thiệt hại về sản xuất nông nghiệp: Ước thiệt hại khoảng **1.980** triệu đồng.

- Lúa, hoa màu: **33,10 ha**, trong đó: 22,87 ha lúa (từ 30-70% là 5,5 ha; trên 70% là 17,37 ha); 10,23 ha hoa màu trên 70%.

- Cây ăn trái: **5,9 ha** (từ 30-70% là 3,65 ha; trên 70% là 2,25 ha).

- Thiệt hại về sản xuất nông nghiệp năm 2024 giảm nhiều so với năm 2023, do thời gian xảy ra mưa, đông trùng với thời gian người dân đã thu hoạch vụ Hè Thu năm 2024 xong (Năm 2023 là 4.191,20 ha lúa, hoa màu, **6,2 ha** cây ăn trái).

¹. 14 căn sập hoàn toàn, 113 căn tốc mái, siêu vẹo hoàn toàn trên 70%; 101 căn tốc mái, siêu vẹo nặng trên 50-70%; 92 căn tốc mái, siêu vẹo từ 30-50%; 93 căn tốc mái, siêu vẹo dưới 30%.

V. XÁC ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI

1. Các loại hình thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

- Qua theo dõi, thống kê các loại hình thiên tai thường xuất hiện trên địa bàn tỉnh An Giang gồm: lũ, sạt lở đất, mưa lớn, dông, lốc, sét, khô hạn, xâm nhập mặn, cháy rừng do tự nhiên, nắng nóng.

- An Giang là tỉnh đầu nguồn của Đồng bằng sông Cửu Long, có rất nhiều sông, kênh, rạch. Trong đó, 2 dòng sông chính là sông Tiền và sông Hậu khi đổ từ sông Mekong vào Đồng bằng sông Cửu Long có rất nhiều đoạn sông cong. An Giang có địa hình tương đối cao hơn một số tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long, hàng năm chịu tác động của lũ từ thượng nguồn đổ về (từ tháng 6 đến tháng 11), đồng thời là vùng đất tré, nền đất yếu, rất dễ bị xâm thực, bào mòn nhanh. Vì vậy, An Giang bị ảnh hưởng sạt lở nhiều hơn một số tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Đánh giá rủi ro thiên tai

2.1. Lũ, ngập lụt

- Lũ ở tỉnh An Giang xảy ra vào đầu vụ Hè Thu, lũ chính vụ thường vào tháng 9, tháng 10, có thể gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, cơ sở vật chất hạ tầng (*nhà cửa, giao thông, hệ thống công trình thủy lợi, các công trình công cộng như: trường học, công sở, khu vực nuôi trồng thủy sản, vườn cây ăn trái,...*), ngoài ra còn có thể gây chết người do đuối nước ở các huyện đầu nguồn như An Phú, Tân Châu; vùng Tứ giác Long Xuyên: Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú,... Trong những năm gần đây chỉ xuất hiện lũ nhỏ nên không gây thiệt hại về tính mạng và tài sản.

- Hiện tượng ngập úng: trong năm 2024 xuất hiện 3 đợt ngập úng trong khu vực thành phố Long Xuyên do cộng hưởng các yếu tố lũ, triều cường dâng cao và lượng mưa lớn nội vùng tập trung vào thời điểm triều dâng cao làm giảm khả năng thoát nước của hệ thống cống.

+ Đợt 1: từ ngày 18-23/9, mực nước cao nhất tại Long Xuyên 258cm.

+ Đợt 2: từ ngày 30/9-8/10, mực nước cao nhất tại Long Xuyên 266cm.

+ Đợt 3: từ ngày 14-21/10, mực nước cao nhất tại Long Xuyên 274cm.

Trong đợt ngập úng từ ngày 30/9-08/10 có yếu tố đặc biệt do kết hợp mưa lớn, với lượng mưa trong 24h đạt mức 84mm (ngày 08/10) xuất hiện vào thời điểm triều cường dâng cao đã gây ra tình trạng ngập sâu nhiều tuyến đường, khu phố và khu dân cư trong khu vực nội ô thành phố Long Xuyên với độ sâu ngập lớn nhất từ 30-50cm, thời gian kéo dài từ 3-4 giờ.

- Theo dự báo năm 2024, khu vực đầu nguồn sông Cửu Long, mực nước cao nhất trong các tháng có khả năng cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm (TBNN) khoảng 0.10-0.40m, mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 0.40-0.60m;

khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên, mực nước cao nhất xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ TBNN khoảng 0.05-0.20m, mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 0.15-0.25m; Vùng hạ lưu sông, mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ TBNN khoảng 0.20-0.50m, mực nước thấp nhất thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 0.25-0.45m.

2.2. Sạt lở đất

- Theo kết quả quan trắc và cảnh báo sạt lở của Sở Tài nguyên và Môi trường, đợt II năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 56 đoạn sông cảnh báo nguy cơ sạt lở từ mức độ bình thường đến đặc biệt nguy hiểm (có thay đổi so với năm 2022) tổng chiều dài 181.450m (không đổi so với năm 2022) đối với các tuyến sông, kênh, rạch chính như sông Tiền, sông Hậu, sông Vàm Nao, sông Bình Di, sông Châu Đốc, sông Cái Vừng, kênh Xáng Tân An, rạch Ông Chưởng, rạch Cái Sắn.

- Số đoạn cảnh báo không thay đổi về số lượng và có xu hướng tăng về chiều dài và gia tăng về mức độ nguy hiểm và xảy ra sạt lở nhiều hơn ở các sông, kênh, rạch nội đồng, trong đó có **06** đoạn rất nguy hiểm đặc biệt cần chú ý gồm: *(1) Đoạn sông Tiền chảy qua xã Long Sơn, thị xã Tân Châu và xã Long Hòa huyện Phú Tân;* *(2) Đoạn sông Tiền chảy qua xã Phú An, huyện Phú Tân;* *(3) Đoạn sông Hậu chảy qua xã Bình Mỹ (kênh Cây Dương- Phà Năng Gù), huyện Châu Phú;* *(4) Đoạn sông Châu Đốc chảy qua Thị trấn An Phú;* *(5) Đoạn sông Vàm Nao chảy qua xã Kiến An huyện Chợ Mới;* *(6) Đoạn rạch Ông Chưởng chảy qua xã Kiến Thành;* **49** đoạn ở mức độ nguy hiểm và 01 đoạn ở mức độ bình thường.

- Trong Điều 46, Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ không quy định mức độ rủi ro do sạt lở bờ sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, không thể xác định được cấp độ rủi ro đối với loại hình thiên tai này vì vậy việc ứng phó sẽ dựa theo tình hình thực tế xảy ra.

2.3. Mưa lớn, dông, lốc xoáy, sét

- Trong các tháng mùa mưa 2024, trên khu vực tỉnh An Giang xuất hiện mưa lớn cục bộ kèm theo dông, lốc, sét đã gây thiệt hại về tính mạng, tài sản của người dân, gây ra tình trạng ngập úng, đổ ngã lúa và hoa màu, cây ăn trái; và gây ngập cục bộ trên các tuyến đường giao thông ở các khu vực đô thị gây khó khăn cho việc đi lại của người dân.

- Tất cả khu vực ở các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đều có khả năng bị ảnh hưởng của dông, lốc. Trong đó, có 78/155 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị, thành trên địa bàn tỉnh thường xuyên bị ảnh hưởng của dông lốc xoáy trong thời gian qua.

- Từ tháng 01-03/2025, xảy ra nhiều đợt mưa trái mùa với lượng mưa phổ biến từ nhỏ đến vừa, kéo dài trong vài ngày.

- Tháng 3/2025, mưa do đối lưu nhiệt bắt đầu xuất hiện ở một vài nơi, tổng lượng mưa phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN. Từ tháng 4/2025, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ TBNN. Mùa mưa có khả năng bắt đầu sớm hơn TBNN.

- Cần đề phòng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, sét, lốc, mưa đá và các đợt mưa lớn diện rộng, mưa lớn cục bộ, đặc biệt là thời kỳ

chuyển mùa và các tháng đầu mùa mưa 2024. Cấp độ rủi ro thiên tai cấp 1.

2.4. Hạn, nắng nóng

- Từ tháng 01- 3/2025, nhiệt độ trung bình có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ 0.5-1.0°C; tháng 4-6/2025, nhiệt độ trung bình ở mức xấp xỉ TBNN.

- Tháng 01-02/2025, nhiệt độ giảm do tác động của gió mùa Đông Bắc và các đợt không khí lạnh tăng cường xuống phía Nam, nhiệt độ ban đêm giảm xuống khá thấp nhưng nhiệt độ cao nhất buổi trưa tăng dần.

- Từ tháng 3/2025, trong tỉnh có khả năng xuất hiện nắng nóng cục bộ đầu tiên ở một số huyện, thị xã, thành phố như Tri Tôn, An Phú, Châu Phú, TX. Tịnh Biên, TX. Tân Châu và TP. Châu Đốc.

- Từ tháng 4-6/2025, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn TBNN khoảng 0.3-0.8°C. Nắng nóng diện rộng xuất hiện cao điểm trong tháng 4, tháng 5.

- Tình trạng hạn hán, thiếu nước cục bộ có khả năng xảy ra tại một số nơi thuộc thị xã Tịnh Biên và huyện Tri Tôn trong các tháng cao điểm mùa khô năm 2025.

2.5. xâm nhập mặn

Diễn biến xâm nhập mặn vùng giáp ranh giữa hai tỉnh An Giang- Kiên Giang tại hai huyện Thoại Sơn và Tri Tôn phụ thuộc vào nguồn nước sông Mekong và quá trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng Tứ giác Long Xuyên.

2.6. Cháy rừng do tự nhiên

Cháy rừng do tự nhiên: trong những năm qua, vùng trọng điểm cháy khoảng 7.368,60 ha chiếm 43,70% tổng diện tích rừng thuộc các khu vực:

- Thị xã Tịnh Biên: 2.912 ha, gồm: rừng tràm Trà Sư, rừng tràm Nhơn Hưng, khu vực núi Phú Cường, cụm núi Đất, khu vực núi Nhơn, khu vực đồi Kakô, khu vực Latina - Tà Lọt thuộc Núi Cấm.

- Thành phố Châu Đốc: 49,90 ha thuộc khu vực Núi Sam.

- Huyện Tri Tôn: 4.406,70 ha, gồm:

+ Vùng đồi núi: 2.550 ha, khu vực có nguy cơ cháy cao: 1.850 ha (chiếm 41,98%): trọng điểm cháy số 01: *Đồi 81, Vồ Cờ, Đồi 400 thuộc khu vực Núi Dài lớn, Núi Tượng, Núi Tô*; trọng điểm cháy số 02: *Vườn tằm vòng và cây ăn quả ven chân Núi Dài lớn từ khu vực Ô vàng đến Vồ đá bia (Ba Chúc- Lương Phi)*; trọng điểm cháy số 03: trọng điểm cháy số 04: *Sà Lôn, Ô Bà bé, Ô Cây Chường, Bụng Ông Địa, Điện Tà cao*; trọng điểm cháy số 05: *Đồi 500, Tức Dụp, Sân Tiên, Chùa Bồng Lai, Đồi Sơn Rứa, Khu khai thác đá An Giang (Núi Cô Tô); Khu vực Đồi 181, Vồ đá đen, Núi Trọi*; Khu vực có khả năng cháy: 700 ha (chiếm 15,88%): *Khu vực Bến Bà Chi (Núi Dài lớn), khu vực ven chân Núi Dài lớn từ Vồ Đá bia đến chợ Lương Phi, khu vực Núi Nam Quy từ sân bay đến thung lũng khoảnh 01, khu vực Kẹt Cắn Đước, Đa Pà Lầy, Tiếp Xiêm (Núi Cô Tô).*

+ Vùng đồng bằng: Rừng tràm có nguy cơ cháy cao: 1.856,70 ha (chiếm 38,67%). Rừng tràm Bình Minh: 612,10 ha; rừng tràm Tân Tuyên: 256 ha; rừng

tràm Lâm Trường tỉnh đội: 975,60 ha.

- Huyện Thoại Sơn: 50 ha, gồm khu vực núi Tượng, núi Nhỏ, Núi Sập.

(Đính kèm phụ lục I: Đánh giá cấp độ rủi ro do thiên tai và mức độ dễ bị tổn thương tỉnh An Giang).

3. Đối tượng dễ bị tổn thương

- Người dân sống tại các khu vực dễ bị tổn thương chủ yếu là các đối tượng người già, người tàn tật, phụ nữ mang thai và trẻ em, bên cạnh yếu tố về con người, nhà cửa, đất canh tác, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ cơ bản,... tại khu vực cần được quan tâm.

- Người cao tuổi: tổng số người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên là 269.000 người, chiếm 14,08 % trên toàn tỉnh.

- Trẻ em dưới 16 tuổi: tổng số trẻ em toàn tỉnh là 445.923 người, chiếm tỷ lệ 23,4%.

- Số người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội là 50.640 người (gồm các dạng khuyết tật: vận động 33.805 người; nghe nói: 1.762 người; nhìn 2.007 người; thần kinh 5.412 người; trí tuệ 2.069 người và khác 5.585 người. Người khuyết tật trên địa bàn tỉnh phân bố ở hầu hết các địa phương.

- Tổng số hộ nằm trong vùng chịu rủi ro thiên tai cao phải di dời là 12.849 hộ, với 50.309 nhân khẩu nhân khẩu nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng sạt lở đất bờ sông, kênh, rạch.

- Tổng số hộ dân trên địa bàn tỉnh An Giang cuối năm 2023 là 528.207 hộ (*tổng số hộ dân tộc thiểu số là 27.106 hộ*), trong đó:

- Về hộ nghèo:

+ Tổng số hộ nghèo đa chiều cuối năm 2023: 10.913 hộ, tỷ lệ 2,07%. Trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn lại sau khi giảm số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động so với đầu năm là 1,94% (10.256 hộ).

+ Tổng số hộ nghèo dân tộc thiểu số: 2.355 hộ, tỷ lệ 8,68%/tổng số hộ dân tộc thiểu số (2.355 hộ/27.106 hộ) và chiếm 21,58%/tổng số hộ nghèo (2.355 hộ/10.913 hộ).

+ Tổng số hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng: 20 hộ, tỷ lệ 0,004% (20 hộ/ 528.207 hộ) và chiếm 0,18%/tổng số hộ nghèo (20 hộ/10.913 hộ).

- Về hộ cận nghèo:

+ Tổng số hộ cận nghèo đa chiều cuối năm 2023: 19.067 hộ, tỷ lệ 3,61%.

+ Tổng số hộ cận nghèo dân tộc thiểu số: 1.789 hộ, tỷ lệ 6,60%/tổng số hộ dân tộc thiểu số (1.789 hộ/27.106 hộ) và chiếm 9,38%/tổng số hộ cận nghèo (1.789 hộ/19.067 hộ).

+ Tổng số hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng: 49 hộ, tỷ lệ 0,01%/tổng số hộ dân (49 hộ/ 528.207 hộ) và chiếm 0,26%/tổng số hộ

cận nghèo (49 hộ/19.067 hộ).

Đây là các đối tượng gặp khó khăn về vấn đề nhà ở kiên cố nên dễ bị tổn thương do thiên tai.

VI. NỘI DUNG, BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Nội dung trọng tâm

- Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để chủ động thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình khí tượng thủy văn (mực nước, độ mặn, nắng nóng,...), thông tin đến các sở, ngành và địa phương để chủ động các phương án ứng phó. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống hạn đảm bảo phục vụ sản xuất và dân sinh mùa khô 2025.

- Theo dõi chặt chẽ các bản tin cảnh báo, dự báo thời tiết nguy hiểm để thông báo, hướng dẫn kịp thời cho nhân dân chủ động phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại, đặc biệt là dông, lốc, sét do mưa trái mùa.

- Kiểm tra, rà soát các công trình thủy lợi, đê điều, hồ đập bị sự cố, hư hỏng, sạt lở sau mùa mưa, lũ. Xác định các trọng điểm xung yếu, để chủ động sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi và nguồn kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định 112/2024/NĐ-CP của Chính phủ đã được phân bổ để sửa chữa, cải tạo, gia cố khắc phục thiệt hại sau mưa, lũ.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các khu vực cảnh báo sạt lở của Sở Tài nguyên và Môi trường, các khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở kể cả các tuyến kênh, rạch. Kịp thời phát hiện để có hướng xử lý kịp thời theo phương châm 4 tại chỗ. Chủ động di dời người dân, nhà ở đến nơi an toàn khi có dấu hiệu rạn nứt, sụt lún nguy cơ sạt lở, đảm bảo an toàn tính mạng Nhân dân.

- Rà soát, cập nhật, điều chỉnh phương án ứng phó tương ứng với từng loại hình thiên tai, các cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với diễn biến thiên tai trong thời gian gần đây trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia Phòng, chống thiên tai đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg, ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phòng, chống sạt lở bờ sông và bờ biển đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình tổng thể phòng, chống thiên tai quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh An Giang; Triển khai thực hiện Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 7/7/2020 của

Tỉnh ủy và Kế hoạch số 514/KH-UBND ngày 19/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Xây dựng các bản đồ, phần mềm, cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Tổ chức cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về phòng, chống, ứng phó thiên tai.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức các lực lượng tham gia phòng, chống, ứng phó thiên tai, đặc biệt là xây dựng và củng cố Lực lượng xung kích phòng chống thiên tai ở cấp xã theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai và lực lượng làm công tác tìm kiếm cứu nạn các cấp, để kịp thời chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong tình huống cấp bách, chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ngay từ giờ đầu.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động và quy chế quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ. Xây dựng kế hoạch thu - chi, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh. Hoàn chỉnh quy định về quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, dự án về thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh đồng thời tiếp cận và đề xuất dự án cơ hội để tranh thủ nguồn tài trợ nước ngoài và nguồn vốn của Trung ương để triển khai thực hiện trong thời gian tới.

- Tổ chức trực ban nghiêm túc theo quy định để kịp thời xử lý các tình huống khi xảy ra thiên tai; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, sẵn sàng ứng cứu theo phương châm 04 tại chỗ.

(Đính kèm Phụ lục II: Kế hoạch công tác năm 2025 của Ban Chỉ huy cấp tỉnh).

2. Biện pháp cơ bản ứng phó với các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh

(Đính kèm Phụ lục III: Các biện pháp cơ bản ứng phó với các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh).

VII. THỰC HIỆN LÒNG GHÉP NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH

1. Các nội dung, biện pháp phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

- Các nội dung về bố trí dân cư, di dời những hộ dân sinh sống trong vùng có nguy cơ cao xảy ra sạt lở bờ sông, ngập lụt; hệ thống cơ sở hạ tầng kết hợp di dời dân chống lũ, ngập lụt (công sở, trường học, nhà văn hoá,...) được lồng ghép vào kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển đô thị và nông thôn và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

- Các nội dung liên quan đến hạn hán, xâm nhập mặn; kiểm soát lũ, ngập lụt; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước; phòng chống sạt lở bờ sông được lồng ghép vào kế hoạch phát triển thủy lợi, kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

- Các nội dung liên quan đến quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch mạng lưới khí tượng thủy văn, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

- Các nội dung liên quan đến truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển các ngành Thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Các nội dung liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, vận hành, khai thác, xây dựng công trình phòng chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển của các ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của các địa phương.

2. Nhiệm vụ lồng ghép của các lĩnh vực/sở ngành

Các nội dung phòng, chống thiên tai cần được lồng ghép vào kế hoạch ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 như sau:

2.1. Nông nghiệp

- Tiếp tục thực hiện chuyển dịch đất lúa kém hiệu quả sang những loại cây hoa màu có giá trị kinh tế cao hơn. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi từ lúa sang màu. Triển khai áp dụng chương trình “3 giảm, 3 tăng” và “1 phải, 5 giảm”, mở rộng áp dụng GlobalGAP, Việt GAP để giảm giá thành, nâng cao năng suất và lợi nhuận cho người dân.

- Phối hợp với các Viện, Trường nghiên cứu, sản xuất giống thủy sản bản địa, quý, hiếm, có giá trị kinh tế phục vụ công tác tái tạo nguồn lợi thủy sản cho những năm về sau.

- Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, phòng tránh khai thác rừng trái pháp luật. Tiếp tục gieo ươm cây giống phục vụ công trình trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2025. Tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng, đẩy mạnh phát triển rừng.

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi, tổ chức triển khai tốt công tác bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y trên địa bàn tỉnh.

- Ưu tiên phân bổ nguồn vốn thủy lợi phí để đầu tư hệ thống thủy lợi và vốn bảo vệ đất lúa để đầu tư khôi phục đường cộ, đầu tư phục vụ các vùng chuyển đổi từ lúa sang màu và trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn; đầu tư thủy lợi công nghệ cao để chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

2.2. Ngành công nghiệp

Xây dựng phương án đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp có tính đến tác động của biến đổi khí hậu, không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp.

2.3. Các ngành dịch vụ

Lồng ghép các nội dung phòng, chống thiên tai vào các dự án phát triển du lịch của tỉnh; hướng dẫn các doanh nghiệp, công ty hoạt động lĩnh vực du lịch xây dựng phương án ứng phó thiên tai, đảm bảo an toàn cho du khách.

2.4. Khoa học và công nghệ

- Nghiên cứu các giải pháp khoa học, công nghệ trong tất cả các lĩnh vực nhằm tăng cường năng lực ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật mới, phục vụ cho công tác ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường.

2.5. Giáo dục và đào tạo

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai cho cán bộ thuộc các cơ sở giáo dục.

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho học sinh trong việc phòng, chống thiên tai, phòng, chống dịch bệnh trong mùa mưa, lũ và huấn luyện kỹ năng ứng phó thiên tai phù hợp thông qua các buổi tập thể dục, hội thao, học ngoại khóa,... đặc biệt chú trọng việc dạy bơi cho học sinh để tránh bị đuối nước.

2.6. Y tế

- Xây dựng phương án ngăn ngừa, xử lý dịch bệnh, cứu thương,... trong trường hợp có thiên tai xảy ra, đảm bảo phù hợp với kế hoạch phòng, chống thiên tai chung của tỉnh.

- Bổ sung hạng mục dự trữ thuốc, dụng cụ y tế dành cho hoạt động chăm sóc sức khỏe, cứu thương trong trường hợp có thiên tai vào kế hoạch hoạt động của ngành.

- Tăng cường năng lực của các cơ sở y tế ở địa phương nhằm kịp thời cung cấp dịch vụ y tế trong tình huống thiên tai, đồng thời hạn chế các rủi ro về người và tài sản của ngành y tế trong thiên tai.

2.7. Văn hoá

Lồng ghép công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng trong phòng, chống thiên tai vào các hoạt động của ngành. Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, các chiến dịch truyền thông về phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai thông qua các hoạt động văn hóa, nghệ thuật trong năm.

2.8. Xã hội

- Thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm cho lực lượng lao động trên địa bàn, ưu tiên các đối tượng lao động nghèo ở các vùng dễ bị tổn thương do thiên tai.
- Xây dựng phương án cứu trợ xã hội đối với các vùng thường xuyên bị thiên tai, có kế hoạch phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai cho phụ nữ, trẻ em và các đối tượng dễ bị tổn thương khác.

2.9. Phát triển kết cấu hạ tầng

- Rà soát, kiểm tra, gia cố khu vực xung yếu của hệ thống điện để kịp thời khắc phục các sự cố do thiên tai gây ra. Phát triển hoàn thiện hệ thống lưới điện nông thôn, chú trọng đến các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai để đảm bảo an toàn cho người dân khi có thiên tai xảy ra.
- Chú trọng đầu tư hạ tầng đối với những lĩnh vực thiết yếu như: giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước, hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị có tính đến yếu tố phòng, chống thiên tai,... trong đó lấy xây dựng hạ tầng giao thông làm khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị.
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai, lắp đặt biển cảnh báo sạt lở tại các khu vực sạt lở bờ sông.
- Phát triển kết cấu hạ tầng xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa thông tin, cấp thoát nước, hệ thống xử lý rác thải,...).

2.10. Bảo vệ môi trường

- Tổ chức quan trắc môi trường định kỳ, liên tục và đột xuất để kịp thời cảnh báo các tai biến môi trường. Tiếp tục triển khai các mô hình phân loại rác sinh hoạt cho đô thị và nông thôn để nhân rộng; giám sát chặt chẽ việc bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh, các khu, điểm ô nhiễm môi trường.
- Triển khai Kế hoạch kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, thực hiện các mô hình tích trữ nước cho vùng khô hạn thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.11. Quốc phòng - An ninh

- Tổ chức huấn luyện, thực hành sử dụng các phương tiện, trang thiết bị cho công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Phối hợp tốt việc tổ chức diễn tập, luyện tập các phương án bảo đảm an ninh trật tự, trật tự an toàn giao thông, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.
- Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn không để kẻ địch, tội phạm và các phần tử xấu lợi dụng thiên tai để hoạt động phá hoại, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước và Nhân dân; điều tra, làm rõ các vụ án, vụ việc có dấu hiệu lợi dụng thiên tai để hoạt động phá hoại, vụ lợi, xâm hại an sinh xã hội.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THỰC HIỆN, KIỂM TRA, THEO DÕI VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Ban Chỉ huy Ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh (Ban Chỉ huy U'PBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh)

- Là đầu mối và cơ quan điều phối tất cả các hoạt động trong cả 3 giai đoạn (phòng ngừa, ứng phó và khắc phục), tham mưu chính quyền địa phương về công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai ở tỉnh; trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện, giám sát, đánh giá việc thực hiện và điều chỉnh hàng năm kế hoạch phòng, chống thiên tai.

- Chủ trì thực hiện các chương trình, kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó thiên tai và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tham mưu, đề xuất đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bảo đảm phù hợp với nhu cầu công tác, tránh lãng phí.

- Căn cứ vào tình hình và mức độ ảnh hưởng từng loại hình thiên tai cụ thể, Ban Chỉ huy ứng phó Biến đổi khí hậu - Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo các đơn vị có liên quan và địa phương huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cần thiết đảm bảo nhu cầu cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về lĩnh vực phòng, chống thiên tai đến cán bộ, người dân trên địa bàn tỉnh, nhất là các xã trọng điểm vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer, Chăm sinh sống.

- Cập nhật các cơ sở dữ liệu, các công cụ hỗ trợ điều hành phòng chống thiên tai để chủ động triển khai thực hiện khi có tình huống xảy ra, nhất là lũ lớn, sạt lở đất, khô hạn, mặn, đông lạnh, sét, nắng nóng, cháy rừng do tự nhiên.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy U'PBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh (phụ trách công tác phòng chống thiên tai)

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chỉ huy điều hành trong phạm vi toàn tỉnh.

- Chỉ huy ứng phó thiên tai trong thiên tai trên địa bàn tỉnh, tham mưu các giải pháp công trình và phi công trình trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả do thiên tai.

- Tham mưu xây dựng, trình cấp thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đề điều thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý của tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện

phương án ứng phó với các loại hình thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai, chỉ đạo tổ chức đào tạo, tập huấn về phòng chống thiên tai.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai nhiệm vụ giải pháp thuộc lĩnh vực quản lý đề chủ động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai: tổ chức truyền thông, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai; ứng dụng khoa học công nghệ, hướng dẫn điều chỉnh sản xuất, phát triển giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai; đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa các công trình phòng, chống thiên tai, thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống công trình phòng, chống thiên tai, cơ sở dữ liệu, hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo chuyên dùng, cơ sở vật chất, trang thiết bị,...

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất và huy động mọi nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ. Xây dựng kế hoạch quản lý, thu - chi, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh. Rà soát, cập nhật, sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

3. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh

- Tổ chức trực ban Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy theo quy định, lập báo cáo và kiểm tra, đôn đốc Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS huyện, thị, thành thực hiện đúng chế độ báo cáo.

- Tiếp nhận các ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Chỉ cục Phòng, chống thiên tai Miền Nam; tổng hợp các thông tin về khí tượng thủy văn, thiên tai để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh chỉ đạo phòng tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả.

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh giải quyết các công việc của Ban Chỉ huy như: theo dõi dự báo, diễn biến khí tượng thủy văn; ban hành các Công điện, Chỉ thị, Công văn về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn; kiểm tra việc chuẩn bị và kết quả triển khai công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn tại các ngành, địa phương; tổng hợp, xác minh tình hình thiệt hại tại các địa phương và tham mưu đề xuất các biện pháp để khắc phục hậu quả.

- Tham mưu cho cơ quan thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm; phương án ứng phó, phòng chống thiên tai đối với các loại hình thiên tai có ảnh hưởng nhiều đến đời sống, phát triển kinh tế tại địa phương (lũ, sạt lở đất, khô hạn, mặn, đông lạnh, sét, nắng nóng, cháy rừng do tự nhiên,...).

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện công tác, tập huấn, huấn luyện thực hành phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; tổ chức

tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn.

- Trong mùa mưa bão, thường xuyên liên hệ với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai, Chi cục Phòng, chống thiên tai Miền Nam và các Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn các cấp để nắm chắc diễn biến tình hình thời tiết, khí hậu có ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh, tham mưu cho Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh có biện pháp chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả.

- Thường xuyên kiểm tra và tham mưu đề xuất các biện pháp khắc phục đối với các khu vực thường xuyên bị sạt lở và có nguy cơ xảy ra sạt lở cao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương để thu thập, xử lý thông tin, thống kê thiệt hại do thiên tai gây ra, báo cáo kịp thời theo quy định và đề xuất kịp thời các biện pháp khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra để thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh xem xét hỗ trợ khắc phục thiệt hại.

- Xây dựng các kế hoạch kiểm tra về công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn; lập dự toán kinh phí hoạt động cho Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Văn phòng Quỹ Phòng, chống thiên tai triển khai kế hoạch thu - chi Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh.

- Tham mưu triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, dự án về thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (là cơ quan thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh phụ trách tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự)

- Tham mưu thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh ngay khi Chính phủ ban hành Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Phòng thủ dân sự; phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành có liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu cụ thể hóa, hoàn chỉnh các quy định pháp luật đối với công tác ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự.

- Chủ trì phối hợp các sở, ngành và địa phương tập trung nâng cao năng lực cho lực lượng làm nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn chuyên trách, kiêm nhiệm.

- Chủ trì phối hợp các sở, ngành và địa phương rà soát, hoàn thiện phương án, kế hoạch chuẩn bị thực hiện có hiệu quả công tác ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự.

- Chỉ đạo, tăng cường tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo kế hoạch của trên và yêu cầu, nhiệm vụ của tỉnh. Đảm bảo sử dụng thành thạo các loại phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tham mưu, cho Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư mua sắm, nâng cấp hiện đại các phương tiện, trang thiết bị tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn theo kế hoạch phòng thủ dân sự, nhất là

khi xảy ra tình huống thiên tai, sự cố phức tạp ở vùng sâu, vùng xa, đảm bảo tìm kiếm cứu nạn kịp thời.

- Xây dựng, triển khai kế hoạch hiệp đồng phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; điều phối lực lượng làm công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ trong các tình huống thiên tai theo chức năng nhiệm vụ.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án thuộc chuyên ngành quản lý phải bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

- Chỉ đạo tổ chức ứng trực, kịp thời điều động lực lượng, phương tiện của các ngành, đơn vị, địa phương ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự.

5. Công an tỉnh (là cơ quan đầu mối tổ chức tập huấn, huấn luyện diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu cho các đối tượng thực hiện hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh)

- Rà soát phương án bảo đảm an ninh, trật tự, nhất là trong tình huống thiên tai, sự cố lớn; sẵn sàng lực lượng, phương tiện hỗ trợ sơ tán, cứu trợ Nhân dân, cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố.

- Tập trung nâng cao năng lực cho lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ; chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở, khu dân cư do tác động của thiên tai.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án thuộc thẩm quyền quản lý phải bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

- Chỉ đạo lực lượng công an phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai.

6. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (bộ phận thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn trên khu vực biên giới)

- Phối hợp với các cơ quan chức năng trong và ngoài lực lượng thường xuyên theo dõi nắm chắc diễn biến thiên tai, tai nạn và tìm kiếm cứu nạn xảy ra trên khu vực biên giới; kịp thời tổng hợp báo cáo tình hình, tham mưu, đề xuất Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc điều động, huy động lực lượng, phương tiện thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phòng, chống giảm nhẹ và tìm kiếm cứu nạn.

- Chủ động hiệp đồng với các lực lượng, chính quyền địa phương xây dựng phương án, tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tổ chức tuần tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ người và các loại phương tiện hoạt động trên khu vực biên giới, kịp thời nhắc nhở, kiên quyết xử lý, ngăn chặn các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật và địa phương về đảm bảo an toàn khi hoạt động trên biên giới.

- Tham mưu và cùng với địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng chống, giảm nhẹ thiên tai cho Nhân dân trên khu vực biên giới.

- Chỉ đạo Quân y chuẩn bị về mọi mặt, sẵn sàng tham gia vào các đội tìm kiếm cứu nạn, tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho Nhân dân, tham gia khắc phục hậu quả môi trường vùng bị thiên tai gây ra trên địa bàn.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh (phụ trách công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và ứng phó sự cố tràn dầu)

- Hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các quy hoạch liên quan đến sử dụng tài nguyên đất, nước để bảo đảm an toàn, hạn chế tác động làm gia tăng rủi ro thiên tai; nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo phòng ngừa, ứng phó; nâng cấp trang thiết bị, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai và hệ thống quan trắc chuyên dùng.

- Chỉ đạo, đôn đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo về tình hình diễn biến thiên tai, cung cấp kịp thời các bản tin cho các cơ quan, đơn vị có liên quan phục vụ công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch quan trắc và cảnh báo sạt lở đất bờ sông định kỳ hàng năm (02 đợt/năm) và đợt xuất nhằm cập nhật hiện trạng, giới hạn và nhận định diễn biến nguy cơ sạt lở tại các đoạn sông được cảnh báo, thông tin kịp thời đến các địa phương và thông tin trên hệ thống báo đài. Đề xuất giải pháp ứng phó, khắc phục sự cố và phối hợp chặt chẽ với cơ quan liên quan.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, đặc biệt là việc quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông tại những khu vực có nguy cơ làm gia tăng rủi ro thiên tai.

- Chủ trì thực hiện nhiệm vụ triển khai kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu và xử lý sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức để phòng ngừa, ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu.

8. Đài Khí tượng thủy văn An Giang

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm các loại hình thiên tai ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh; thông báo nhanh chóng, kịp thời các bản tin cảnh báo, dự báo tình hình thời tiết, thủy văn đến các cơ quan và Nhân dân để chủ động phòng, chống.

9. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng phương án dự trữ hàng hóa thiết yếu (trên cơ sở vận động, mời gọi các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia bình ổn thị trường) đảm bảo cung ứng đủ, kịp thời trong các tình huống thiên tai xảy ra, đặc biệt các vùng bị chia cắt do thiên tai; chuẩn bị hàng hóa thiết yếu phục vụ công tác phòng chống thiên tai như: gạo, mì ăn liền, nước uống đóng bình, sắt thép, xi măng, xăng, dầu Diesel, dầu hỏa.

- Tăng cường đơn đốc, hướng dẫn công tác chuẩn bị ứng phó thiên tai trước mùa mưa bão hàng năm tại các cơ sở, công trình trong ngành Công Thương trên địa bàn quản lý, đặc biệt là các đơn vị quản lý vận hành lưới điện (Công ty Điện lực An Giang, Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang, Nhà máy điện mặt trời Sao Mai 1 và 2; Nhà máy điện mặt trời Văn Giáo 1 và 2).

- Phối hợp tốt với địa phương chuẩn bị thiết bị vật tư, phương tiện, hậu cần theo phương châm “4 tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện, vật tư tại chỗ và hậu cần tại chỗ) để sẵn sàng ứng phó thiên tai với hiệu quả cao nhất; tổ chức diễn tập các phương án phòng chống, ứng phó thiên tai, tìm kiếm cứu nạn đối với những tình huống thiên tai cơ bản để nâng cao khả năng sẵn sàng ứng phó với các tình huống thiên tai, sự cố.

10. Sở Giao thông vận tải

- Có phương án huy động đảm bảo phương tiện thủy, bộ đáp ứng yêu cầu di dời dân, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; khắc phục kịp thời các đoạn đường bị sạt lở, đảm bảo lưu thông thông suốt, nhất là các tuyến đường giao thông chính trong tỉnh.

- Phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra các bến khách ngang sông nhằm đảm bảo tính mạng và tài sản của người dân trong mùa mưa lũ.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai công tác cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu. Thực hiện điều tiết, phân luồng giao thông trên các tuyến theo thẩm quyền và phối hợp thực hiện theo thẩm quyền.

- Phối hợp với các chủ đầu tư (đối với các dự án thuộc chuyên ngành quản lý) khi xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình có phương án bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

11. Sở Xây dựng

- Tăng cường triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành về việc xây dựng các công trình, nhà ở của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhằm đảm bảo an toàn trước thiên tai: đông lốc, ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới và mô hình nhà ở an toàn phù hợp với các loại hình thiên tai. Rà soát đề xuất điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng công trình, nhà ở đảm bảo an toàn trước thiên tai.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án thuộc chuyên ngành quản lý phải bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn lồng ghép một số nội dung phòng, chống thiên tai với một số môn học để đưa vào chương trình giảng dạy các cấp. Tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về phòng, chống thiên tai, phổ biến kiến thức, kỹ năng ứng phó với thiên tai trong trường học, nhất là giáo dục phổ thông.

13. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan cân đối, bố trí vốn đầu tư công cho các dự án khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở và phòng, chống hạn, ngập úng, kể cả các dự án cụm, tuyến dân cư phục vụ các hộ dân bị sạt lở trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án khắc phục sạt lở, cụm tuyến dân cư di dân sạt lở trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

14. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nguồn kinh phí đảm bảo kịp thời cho công tác phòng chống thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, lồng ghép kinh phí Chương trình Dự án và các nguồn hợp pháp khác theo khả năng cân đối và theo đúng quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

15. Sở Y tế

Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó khi có thiên tai xảy ra; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư y tế và thuốc chữa bệnh để đáp ứng nhu cầu cứu thương, chăm sóc sức khỏe cho người dân khi xảy ra sự cố, thiên tai; đặc biệt là người cao tuổi, phụ nữ có thai, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế.

16. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Lập các phương án cứu trợ khi có thiên tai xảy ra, dự trù nguồn kinh phí hỗ trợ, tổ chức các điểm giữ trẻ trong mùa lũ hàng năm, tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch Phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2030, bên cạnh việc lồng ghép thực hiện Kế hoạch phổ cập bơi đến các huyện, thị, thành và cơ sở thuộc ngành nhất là tại địa phương có nguy cơ cao về tai nạn thương tích cho trẻ em.

- Thực hiện kịp thời các chính sách trợ giúp xã hội đột xuất, kịp thời, hiệu quả, đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương do thiên tai như lũ, sạt lở đất, đông lốc, tai nạn thương tích cho trẻ em sớm ổn định cuộc sống Nhân dân.

17. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo đơn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh tổ chức xây dựng kế hoạch, phương án của đơn vị, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống để phục vụ có hiệu quả công tác chỉ đạo, cứu hộ, cứu nạn. Sẵn sàng tổ chức nhắn tin cảnh báo thiên tai tới các thuê bao trên địa bàn tỉnh khi có khả năng bị ảnh hưởng, chuẩn bị các phương án sẵn sàng roaming giữa các mạng di động khi có yêu cầu.

- Định hướng các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kiến thức phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; các biện pháp phòng, chống thiên tai ứng với các loại hình thiên tai cho các cấp chính quyền và người dân; thông tin chính xác, kịp thời về tình hình, diễn biến thiên tai, công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong phòng, chống thiên tai, đảm bảo tính chính xác, kịp thời và hiệu quả.

- Chỉ đạo các chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp các công trình, dự án thuộc chuyên ngành quản lý phải bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

18. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với sở, ngành triển khai các hoạt động phổ cập bơi phòng, chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, hướng dẫn viên bơi lội, hướng dẫn viên cứu đuối nước. Hướng dẫn điều kiện đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước tại các khu, điểm du lịch có hồ bơi hoặc các hoạt động thể thao, vui chơi giải trí dưới nước.

19. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, bộ, tỉnh có tính liên ngành, liên vùng phục vụ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh. Trong đó, ưu tiên các danh mục nghiên cứu ứng dụng công nghệ theo dõi, giám sát thiên tai; quản lý, vận hành công trình phòng chống thiên tai; nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến trong xây dựng công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo bền vững.

- Trong Kế hoạch hoạt động hàng năm, có bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

20. Sở Ngoại vụ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh có liên quan tăng cường hợp tác với các quốc gia để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới về phòng, chống thiên tai.

- Hướng dẫn các sở, ban ngành trong việc tiếp nhận các đoàn khách nước ngoài đến làm việc tại tỉnh, tổ chức các hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài về phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

21. Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang

Tăng cường thời lượng phát sóng, đưa tin để tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, bài viết, câu truyện truyền thanh, phóng sự,... kiến thức, kỹ năng về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu

quả thiên tai và ý nghĩa, mục đích thu, sử dụng Quỹ Phòng, chống thiên tai cho các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

22. Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi An Giang

Chỉ đạo các Trạm Thủy nông liên huyện phối hợp với các Trạm Thủy lợi liên huyện, thị, thành và chính quyền địa phương vận hành, kiểm tra các công trình công, đập nhằm đảm bảo an toàn cho sản xuất và sinh hoạt của người dân.

23. Công ty Điện lực An Giang, Công ty Cổ phần Điện Nước An Giang

- Có phương án cụ thể đối với các khu vực đô thị, khu dân cư, ven đường giao thông trong trường hợp thiên tai làm đổ, ngã cây, lưới điện gây nguy hiểm đến tính mạng con người.

- Chỉ đạo các chi nhánh Điện lực, Xí nghiệp Điện Nước kiểm tra an toàn điện, hệ thống cấp nước vận hành an toàn liên tục, cần chú trọng vào các địa điểm, khu vực xung yếu có nguy cơ mất an toàn.

24. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh Đoàn An Giang

Phối hợp với các địa phương xây dựng, tổ chức và triển khai các phương án cứu trợ về lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, hỗ trợ kinh phí cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa; giúp Nhân dân sớm ổn định cuộc sống, nhất là hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, khó khăn; vận động các nguồn lực trong và ngoài tỉnh cứu trợ đồng bào khi có thiên tai xảy ra; tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ kịp thời đến tay người dân.

25. Các thành viên Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh

trực tiếp xuống địa bàn được phân công phụ trách để kiểm tra công tác chuẩn bị phòng, chống, ứng phó trước khi thiên tai xảy ra và công tác khắc phục hậu quả sau khi thiên tai xảy ra. Chủ trì phối hợp cùng Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy UP BĐKH-PCTT và PTDS tỉnh và các sở, ngành liên quan lập đoàn kiểm tra công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại một huyện, thị, thành trọng điểm.

26. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện: Kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2025 tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện “Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 06/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tiếp tục kiện toàn Ban Chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS các cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Thực hiện lồng ghép nội dung bảo đảm an toàn phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; kế hoạch chuyển đổi sản xuất chủ động ứng phó với thiên tai.

- Cập nhật lại các phương án ứng phó với các loại hình thiên tai phù hợp với tình hình của địa phương; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức trong Nhân dân, nhất là Nhân dân ở các xã cù lao, ven sông, kênh, rạch về phòng chống thiên tai (lũ, dông lốc, sét, khô hạn, xâm nhập mặn, sạt lở đất, cháy rừng do tự nhiên,...) và các biện pháp đề phòng nhà cửa, cây cối đổ ngã khi có thiên tai xảy ra.

- Thường xuyên củng cố, kiện toàn tổ chức các lực lượng tham gia phòng, chống, ứng phó thiên tai, đặc biệt là xây dựng và củng cố hoạt động của lực lượng xung kích ở cơ sở theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương án được duyệt.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; tập huấn, phổ biến kỹ năng cho lực lượng làm công tác phòng chống thiên tai, cộng đồng và người dân.

- Đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, vận hành hiệu quả công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn; chủ động rà soát, sắp xếp lại dân cư, di dời dân cư sinh sống tại những khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ, sạt lở đất; xây dựng, lắp đặt hệ thống theo dõi, cảnh báo và kiểm soát rủi ro thiên tai tại các khu vực trọng điểm, xung yếu.

- Xây dựng kế hoạch quản lý, thu - chi, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai của địa phương.

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS huyện, thị, thành thực hiện chế độ trực khi có thiên tai xảy ra, báo cáo định kỳ về Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh để tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ giúp địa phương khi có thiên tai xảy ra.

27. Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế - xã hội đóng trên địa bàn tỉnh và mỗi công dân

- Triển khai thực hiện các quy định của Luật Phòng chống thiên tai và các văn bản hướng dẫn thực hiện; chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai theo trách nhiệm và phạm vi quản lý, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư để chủ động tham gia ứng cứu khi có lệnh của Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS các cấp.

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng tích cực tham gia thực hiện kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai và đầu tư vào các dự án phòng chống thiên tai.

IX. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chế độ báo cáo về Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh:

1. Báo cáo định kỳ

- 03 tháng một lần, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo định kỳ các hoạt động phi công trình, công trình theo kế hoạch của đơn vị, địa phương, trong đó nêu rõ tình hình thiên tai và tác động của thiên tai đến ngành, địa phương mình; công tác triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch; những thuận lợi, khó khăn bài học kinh nghiệm và những kiến nghị cần quan tâm, giải quyết, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh.

- Trên cơ sở báo cáo của các sở, ban ngành, địa phương, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh tổng hợp, xây dựng Báo cáo sơ kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn 6 tháng đầu năm (thực hiện trước ngày 25/6); 9 tháng đầu năm (trước ngày 25/9) và Báo cáo tổng kết công tác phòng chống thiên tai năm (trước ngày 25/12) gửi Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh và Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai.

- Mẫu báo cáo được thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh xây dựng và gửi cho các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Báo cáo đột xuất

- Khi có tình huống thiên tai khẩn cấp, phải báo cáo ngay bằng điện thoại, email, sau đó có báo cáo chính thức bằng văn bản về tình hình thiên tai, thiệt hại, đề xuất biện pháp khắc phục, giải quyết.

- Khi Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh, cấp trên có yêu cầu.

3. Công tác giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch

- Giao cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì đánh giá sơ kết định kỳ hàng năm, rút kinh nghiệm và đề xuất, kiến nghị, rà soát, cập nhật bổ sung Kế hoạch, báo cáo và kiến nghị Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh ban hành cập nhật kế hoạch hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành, các sở, ban ngành, đơn vị phân công cán bộ phụ trách giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hàng năm để làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh.

- Hàng năm, các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm những hạn chế, tồn tại, tổ chức

nhân rộng các mô hình mang lại hiệu quả, biểu dương các tập thể, cá nhân điển hình trong công tác phòng chống thiên tai.

Trên đây là Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh. Căn cứ Kế hoạch này các cấp, các ngành trong tỉnh chủ động xây dựng kế hoạch của ngành, địa phương, đơn vị mình thật cụ thể, chi tiết sát với tình hình, điều kiện của địa phương, ngành mình quản lý nhằm chủ động ứng phó, khắc phục với mọi tình huống thiên tai có thể xảy ra.

Các sở, ban, ngành sau khi cơ cấu, sắp xếp, hợp nhất tổ chức bộ máy căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao chủ trì theo Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị về cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH- PCTT và PTDS tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp tình hình thực tế./.

**PHỤ LỤC I. ĐÁNH GIÁ CẤP ĐỘ RỦI RO DO THIÊN TAI VÀ MỨC ĐỘ
DỄ BỊ TỔN THƯƠNG TỈNH AN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy
ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Bảng 1. Cấp độ rủi ro do lũ, ngập lụt

Số TT	Lưu vực/ Cấp độ rủi ro	Trạm thủy văn thuộc địa bàn tỉnh An Giang			
		<i>Mức nước lũ (theo cấp báo động)</i>	<i>Mức độ dễ bị tổn thương</i>		
			<i>Thấp</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Cao</i>
1	Cấp độ 1	BD1 - BD2	x		

Bảng 2. Cấp độ rủi ro do lốc, sét

Số TT	Cấp độ rủi ro	Phạm vi ảnh hưởng	<i>Mức độ dễ bị tổn thương</i>		
			<i>Thấp</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Cao</i>
1	Cấp độ 2	Trên ½ số quận/huyện, phường/xã		x	

Bảng 3. Cấp độ rủi ro do khô hạn

STT	Cấp độ rủi ro	<i>Chi tiết lượng nước thiếu hụt</i>		<i>Mức độ dễ bị tổn thương</i>		
		<i>Khoảng thời gian lượng mưa tháng thiếu hụt trên 50% trong khu vực (tháng)</i>	<i>Thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực (%)</i>	<i>Thấp</i>	<i>Trung bình</i>	<i>Cao</i>
1	Cấp độ 1	2	20 - 30	x		

PHỤ LỤC II: KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2025 CỦA BAN CHỈ HUY ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Công việc	Cơ sở pháp lý	Đơn vị thực hiện		Thời gian hoàn thành
			Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	
I	Công tác tổ chức, bộ máy				
1	Kiện toàn Ban Chỉ huy UBNDKH-PCTT và PTDS tỉnh;	NĐ 66	Văn phòng TT BCH UBNDKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện,thị, thành.	Quý II
2	Quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ huy phụ trách địa bàn, kiểm tra, đôn đốc công tác PCTT tại các địa phương	NĐ 66	Văn phòng TT BCH UBNDKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện,thị, thành.	Quý II
3	Hội nghị tổng kết công tác PCTT năm 2024, triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2025.	NĐ 66	Ban Chỉ huy UBNDKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện,thị, thành.	Quý I
4	Kiện toàn tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.	NĐ 78	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, UBND huyện, thị, thành	Quý II
II	Các hoạt động phòng ngừa thiên tai				
1	Tiếp tục triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật	NĐ 66	Ban Chỉ huy UBNDKH-	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh,	Cả năm

STT	Công việc	Cơ sở pháp lý	Đơn vị thực hiện		Thời gian hoàn thành
			Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	
	Đề điều, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, chiến lược, kế hoạch về phòng chống thiên tai		PCTT và PTDS tỉnh	UBND huyện, thị, thành	
2	Thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh An Giang; thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 trên địa bàn tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành ban hành Kế hoạch số 514/KH-UBND ngày 19/8/2020 triển khai thực hiện Kế hoạch số 115-KH/TU ngày 7/7/2020 của Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh An Giang	NQ 76, CT 42	Văn phòng TT BCH UBND KH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Cả năm
3	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống phòng chống thiên tai Việt Nam và ngày Quốc tế giảm nhẹ thiên tai (ngày 22/5 và 13/10)	QĐ 173/QĐ-TTg QĐ 1527	Văn phòng TT BCH UBND KH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Quý II và Quý IV
4	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh phương án ứng phó tương ứng với từng loại hình thiên tai, các cấp độ rủi ro thiên tai phù hợp với diễn biến thiên tai trong thời gian gần trên địa bàn tỉnh.	NĐ 66, NQ 76, CT 42	Văn phòng TT BCH UBND KH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Quý IV
5	Tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh	QĐ số 32/QĐ-UBND	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành và UBND huyện, thị, thành	Quý IV

STT	Công việc	Cơ sở pháp lý	Đơn vị thực hiện		Thời gian hoàn thành
			Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	
6	Kiểm tra, đôn đốc phương án đảm bảo an toàn công trình phòng chống thiên tai trước mùa mưa lũ; chỉ đạo xử lý các sự cố do thiên tai đối với công trình đê điều, thủy lợi.	NQ 76	Thành viên BCH UBND KH-PCTT và PTDS	Các sở, ban ngành và UBND huyện, thị, thành	Quý II và Quý III
7	Chỉ đạo kiểm tra công tác phòng chống thiên tai và sản xuất nông nghiệp 2025 trên địa bàn tỉnh	Chương trình công tác UBND tỉnh	Sở NNPTNT	Các thành viên Ban chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Cả năm
8	Diễn tập về công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, xã (các xã thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai như lũ, dông lốc, sạt lở đất, cháy rừng do tự nhiên).	NĐ 66,	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Văn phòng TT BCH UBND KH-PCTT và PTDS tỉnh, Công an tỉnh. Bộ Biên phòng tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Cả năm
9	Triển khai công tác xây dựng cộng đồng an toàn gắn với thực hiện tiêu chí về an toàn phòng chống thiên tai trong xây dựng NTM (Tiêu chí 3.2 Bộ tiêu chí Quốc gia NTM).	NQ 76	Văn phòng TT BCH UBND KH-PCTT và PTDS tỉnh	Văn phòng điều phối nông thôn mới, UBND các huyện, thị, thành	Cả năm
10	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ văn phòng thường trực Ban Chỉ huy tỉnh, Ban chỉ huy UBND KH-PCTT và PTDS huyện và cán bộ phụ trách tham mưu công tác phòng chống thiên tai của cấp xã	NQ 76, CT 42	Văn phòng TT BCH UBND KH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Cả năm

STT	Công việc	Cơ sở pháp lý	Đơn vị thực hiện		Thời gian hoàn thành
			Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	
11	Đầu tư nâng cao năng lực, trang thiết bị cho Văn phòng Thường trực BCH UPBĐKH-PCTT và PTDS cấp tỉnh. Xây dựng các bản đồ, phần mềm, cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	CT 42	Sở NNPTNT	Sở Tài chính, Văn phòng BCH UPBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh	Quý IV
12	Xây dựng kế hoạch kiểm tra văn phòng thường trực Ban Chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS huyện, thị, thành phố thực hiện công tác phòng chống thiên tai trong mùa mưa, bão	KH PCTT	Văn phòng TT BCH UPBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh	UBND huyện, thị, thành	Quý II
13	Theo dõi thực hiện Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTT trên địa bàn tỉnh	CT 42	Ban Chỉ huy UPBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các sở, ngành có liên quan	Quý IV
14	Tổ chức trực ban tại Văn phòng thường trực, theo dõi diễn biến thiên tai, công tác chỉ đạo ứng phó của Trung ương và tỉnh để kịp thời xử lý các tình huống khi xảy ra thiên tai	Quy chế hoạt động	Văn phòng TT BCH UPBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Thường xuyên
15	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ theo dõi, giám sát thiên tai; quản lý, vận hành công trình phòng chống thiên tai; nghiên cứu, ứng dụng vật liệu mới, công nghệ tiên tiến trong xây dựng công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo bền vững	NQ 76	Sở Khoa học-Công nghệ	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Thường xuyên
16	Triển khai thực hiện Quyết định 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng,	QĐ 20	Văn phòng TT BCH UPBĐKH-	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh,	Cả năm

STT	Công việc	Cơ sở pháp lý	Đơn vị thực hiện		Thời gian hoàn thành
			Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	
	chống thiên tai; Công tác tổng hợp hiện trạng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng PCTT.		PCTT và PTDS tỉnh	UBND huyện, thị, thành	
III	Các hoạt động chỉ đạo, điều hành ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai				
1	- Tổ chức cảnh báo và chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó theo các cấp độ rủi ro. - Tổ chức các hoạt động tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm..., hỗ trợ về tâm lý (nếu cần)	NĐ 66	Ban Chỉ huy U'PBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Khi có tình huống thiên tai
2	Chỉ đạo thống kê, tổng hợp báo cáo đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ và triển khai công tác khắc phục hậu quả sau thiên tai	NĐ 66	Ban Chỉ huy U'PBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Khi có tình huống thiên tai
3	Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai trình UBND tỉnh, Ban chỉ đạo Quốc gia về PCTT hoặc các báo cáo bất thường, đột xuất khi thiên tai xảy ra	NĐ 66	Ban Chỉ huy U'PBĐKH-PCTT và PTDS tỉnh	Các thành viên Ban Chỉ huy tỉnh, UBND huyện, thị, thành	Cả năm
4	Củng cố, kiện toàn tổ chức các lực lượng tham gia phòng, chống, ứng phó thiên tai, đặc biệt là xây dựng và củng cố hoạt động của lực lượng xung kích ở cơ sở theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.	Chỉ thị số 18	Ban Chỉ huy U'PBĐKH-PCTT và PTDS	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thị, thành và UBND huyện, thị, thành,	Cả năm

PHỤ LỤC III: CÁC BIỆN PHÁP CƠ BẢN ỨNG PHÓ VỚI CÁC LOẠI THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Loại hình thiên tai	Công tác phòng ngừa	Công tác ứng phó	Công tác khắc phục hậu quả
1	Lũ, mưa lớn	- Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng để huy động ứng cứu kịp thời khi xảy ra thiên tai. - Kiểm tra và có kế hoạch sửa chữa, duy tu thiết bị máy móc, đường dây, loa phóng thanh, phương tiện làm việc của các trạm truyền thanh xã, phường, thị trấn đảm bảo thông tin, thông báo được phát sóng kịp thời, nhanh chóng. - Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục và hướng dẫn các biện pháp phòng ngừa để nâng cao ý thức và khả năng tự ứng phó của người dân. - Thống kê những hộ dân sinh sống ở khu vực dễ bị ảnh hưởng trực tiếp của lũ núi (ven suối, ven sườn núi, dễ bị sạt lở...). Có kế hoạch di dời dân ở những khu vực có nguy cơ cao do lũ núi, sạt lở. - Tổ chức tập bơi cho trẻ, chuẩn bị phương tiện đưa rước học sinh vùng ngập sâu đến trường an toàn, xây dựng kế hoạch lập các điểm chốt cứu hộ, cứu nạn, chuẩn bị nơi ở tạm, di dời dân trong vùng ngập lũ. - Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng sơ cấp cứu cứu hộ cứu nạn cho lực lượng chuyên	- Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, vật tư, thiết bị kịp thời bảo vệ, gia cố đê bao. - Tăng cường kiểm tra hệ thống cống bọng, đê điều trong các vùng đê bao và những vùng xung yếu, đề phòng hiện tượng sạt lở đất bờ sông và sạt lở các hệ thống đê bao trong mùa lũ, các huyện hạ nguồn cần tăng cường kiểm tra đề phòng mưa gây ngập úng cục bộ. - Thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình mưa, mực nước lũ ở thượng nguồn để kịp thời nắm thông tin thông báo đến cho người dân sản xuất nhằm chủ động có biện pháp ứng phó hiệu quả, đảm bảo sản xuất và sinh hoạt của người dân an toàn trong mùa mưa lũ. -Phân công cán bộ bám sát địa bàn để báo cáo tình hình mưa, lũ có ảnh hưởng đến các công trình thủy lợi và hỗ trợ các xã, thị trấn về công tác chuyên môn. - Đảm bảo thực hiện tốt công tác tìm kiếm cứu nạn tại các điểm xung yếu trên địa bàn. - Tổ chức các điểm giữ trẻ mùa lũ và đưa	- Điều tra đánh giá tình hình thiệt hại, xác định nhu cầu cứu trợ sau thiên tai và lập kế hoạch hỗ trợ vật tư, kinh phí cho các gia đình bị thiệt hại sửa chữa nhà cửa; hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi, trang thiết bị, kinh phí để người dân phục hồi sản xuất và ổn định cuộc sống. - Tổ chức thăm hỏi, cứu trợ và huy động lực lượng tại chỗ giúp dân khắc phục hậu quả thiên tai, nhanh chóng ổn định cuộc sống và sản xuất. - Tập trung bảo vệ môi trường, không chế dịch bệnh phát sinh sau lũ.

		trách; tổ chức diễn tập cứu hộ cứu nạn. - Đảm bảo an toàn về cơ sở vật chất, kỹ thuật và cơ sở thuốc. - Khảo sát các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các cơ sở dịch vụ để có kế hoạch ổn định sản xuất và mua bán trong mùa lũ, kiểm tra các kho, nhà xưởng có kế hoạch bảo vệ. - Kiểm tra thường xuyên các trụ điện và hành lang an toàn mạng lưới điện, nhất là đối với các tuyến vùng sâu, đảm bảo an toàn và cung cấp điện xuyên suốt, nhất là các trạm bơm tiêu chống úng. - Trạm cấp nước huyện và các trạm cấp nước nhỏ ở các xã phải đảm bảo hoạt động liên tục phục vụ nhân dân trước, trong, sau lũ để hạn chế dịch bệnh do lũ gây ra.	rước học sinh vùng ngập sâu đến trường an toàn, tổ chức các điểm chột cứu hộ, cứu nạn. - Đảm bảo an toàn về cơ sở vật chất, kỹ thuật và cơ sở thuốc, tổ chức triển khai và thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong mọi tình huống. Thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, giám sát dịch bệnh nhằm chủ động trong phòng chống dịch bệnh, cấp cứu kịp thời người bị nạn. - Phối hợp với lực lượng quân sự tỉnh, tổ chức tốt công tác tìm kiếm cứu nạn thực hiện theo phương châm 4 tại chỗ. - Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.	
2	Sạt lở đất	- Thông báo rộng rãi về diễn biến sạt lở đất trên các hệ thống thông tin của địa phương; - Tăng cường công tác vận động, khuyến cáo người dân di dời nhà ở ra khỏi khu vực cảnh báo sạt lở. - Phối hợp với các ngành chức năng cấm biển báo, khuyến cáo người dân không lui tới, sinh hoạt trong phạm vi nguy hiểm và hạn chế tàu thuyền qua lại, neo đậu trong khu vực cảnh báo nguy hiểm.	- Chuẩn bị sẵn các dụng cụ, phương tiện di dời để bảo vệ tính mạng và tài sản của người dân đến nơi an toàn như cơ quan, trường học... - Tổ chức các chốt chặn tại khu vực sạt lở, kiên quyết không để cho người dân quay lại khu vực sạt lở để di dời tài sản hoặc ở lại các căn nhà có nguy cơ tiếp tục sạt lở, bảo vệ tài sản của người dân khi đã di dời.	- Thống kê, đánh giá thiệt hại và đề xuất các biện pháp khôi phục sản xuất, kinh doanh, ổn định đời sống. - Rà soát các hộ dân di dời do bị sạt lở để thực hiện các chính sách hỗ trợ đột xuất và lâu dài kịp thời, đúng đối tượng theo quy định.

		- Xây dựng bản đồ cảnh báo sạt lở đất, trong đó xác định cụ thể vùng có nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và có nguy cơ.	- Tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông khi xảy ra sạt lở, tổ chức phân luồng, hướng dẫn giao thông tại khu vực sạt lở.	
3	Đông lốc, sét	- Triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về nguyên nhân, tác hại của dông, lốc, sét nhằm giúp người dân nâng cao khả năng ứng phó, phòng tránh kịp thời và hiệu quả - Hướng dẫn người dân cách chằng chống nhà cửa chủ động trong công tác phòng ngừa, ứng phó dông, lốc, sét. - Khuyến cáo và hướng dẫn nhân dân kiểm tra hệ thống chống sét ở các nhà cao tầng, công trình công cộng. - Chặt tỉa cành, nhánh của các cây cao, dễ gãy đổ, cây nằm gần nhà ở, lưới điện...; kiểm tra mức độ an toàn.	- Ngay khi có bản tin cảnh báo lốc, sét từ các cơ quan chuyên môn. Ban Chỉ đạo UỶ BAN ĐKHX- PCTT&TKCN tỉnh chỉ đạo đài phát thanh truyền hình kịp thời phát sóng, truyền tải các bản tin cảnh báo. UBND các huyện, thành phố chỉ đạo đài phát thanh, truyền thanh huyện, xã, phường, thị trấn trực tiếp phát thanh, cảnh báo dông, lốc, sét để người dân chủ động ứng phó kịp thời.	- Đánh giá tình hình thiệt hại do lốc, sét gây ra (nếu có) báo cáo, đề xuất hỗ trợ các cá nhân, tổ chức bị thiệt hại theo quy định. - Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ các gia đình bị thiệt hại khắc phục hậu quả dông lốc, sét. - Tổ chức khắc phục hậu quả do dông lốc, sét gây ra.
4	Hạn hán, xâm nhập mặn	- Phối hợp Đài Khí tượng Thủy văn An Giang thực hiện đo đạc và dự báo tình hình hạn, mặn. Đồng thời cung cấp thông tin về mức độ nhiễm mặn ở từng khu vực để khuyến cáo người dân khi sử dụng nước cho sản xuất và sinh hoạt. - Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về tình hình hạn, xâm nhập mặn đến đời sống và sản xuất, khả năng thiếu nguồn nước, nhiễm mặn, ô nhiễm và có thể phát sinh các dịch bệnh.	- Vận hành hợp lý các công trình công, bông để điều tiết, trữ nước vào kênh rạch tạo nguồn; Kết hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để có sự phối hợp đồng bộ nhằm đóng mở các cống, điều hòa phân phối nước hợp lý. - Thường xuyên kiểm tra các trạm bơm, chuẩn bị sẵn sàng cung cấp nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp. - Thông báo cho địa phương và người dân trong khu vực dễ bị ảnh hưởng xâm	- Tổ chức đánh giá mức độ thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn gây ra (nếu có) và thực hiện công tác hỗ trợ theo quy định.

		- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng làm tốt công tác phổ biến, tuyên truyền ý thức sử dụng tiết kiệm điện, nước đặc biệt là trong các tháng mùa khô. - Vận động và hướng dẫn người dân sử dụng nước tiết kiệm, trữ nước. - Tập trung việc phát thanh lưu động tại các vùng trọng điểm có nguy cơ cháy rừng. Triển khai phương án bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã. - Vụ Hè Thu có kế hoạch, khuyến khích người dân chuyển đổi trồng lúa khu vực có khả năng thiếu nước, ảnh hưởng xâm nhập mặn sang cây trồng cạn, để tránh thiệt hại. - Chủ động tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các công trình bằng nguồn vốn sửa chữa hàng năm và có kế hoạch nạo vét hệ thống kênh mương, các cửa vào lấy nước, trạm bơm tưới theo phân cấp quản lý; các hồ chứa đang sửa chữa nếu đủ điều kiện an toàn cũng phải tích nước hợp lý để thực hiện công tác chống hạn. - Chuẩn bị phương án thiết kế đắp đập tạm và đăng ký với các cửa hàng tại địa phương (nơi gần nhất) chuẩn bị vật tư, trang thiết bị,... sẵn sàng đắp đập tạm khi có mặn xâm nhập.	nhập mặn, thường xuyên theo dõi thông tin, kiểm tra nguồn nước trước khi lấy nước tưới. Hướng dẫn bà con nông dân cách bơm lấy nước tưới khi có ảnh hưởng của xâm nhập mặn và rửa mặn. -Triển khai các biện pháp bảo vệ sức khỏe, phòng bệnh, đặc biệt đối với trẻ em và người già khi xảy ra nắng nóng, hạn hán. - Ưu tiên bảo đảm cung cấp điện cho các trạm bơm nước phòng, chống hạn. - Ưu tiên bảo đảm cung cấp nước sạch cho khu vực vùng cao xảy ra thiếu nước vào mùa khô và vùng ảnh hưởng xâm nhập mặn. - Triển khai phương án bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng, các chốt trực tuần tra thường xuyên, có báo cáo hàng ngày theo quy định Ban chỉ đạo tỉnh. Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện, dụng cụ và lực lượng (máy chữa cháy, dây chữa cháy, xe vận tải chuyển quân,...) - Kiểm tra tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm do nắng nóng kéo dài. - Kiểm tra và có biện pháp phòng chống ô nhiễm nguồn nước cấp cho nuôi trồng thủy sản.	
5	Cháy rừng do	- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tổ chức phát thông điệp cảnh báo	- Bố trí lực lượng thường trực, tiếp tục duy trì hoạt động các tổ hợp tác bảo vệ	

	tự nhiên nguy cơ cháy rừng, nhất là thời kỳ cao điểm mùa khô. - Lực lượng kiểm lâm kết hợp các đoàn thể, các xã có rừng thực hiện lồng ghép trong các buổi họp dân để tuyên truyền giáo dục về các nội dung phòng cháy, chữa cháy rừng, chống chặt phá rừng. - Xây dựng Kế hoạch Hiệp đồng chữa cháy rừng huyện Tri Tôn, Tịnh Biên, Thoại Sơn và Thành phố Châu Đốc, chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia chữa cháy khi có lệnh huy động. - Hướng dẫn các chủ rừng và chùa nhận khóa rừng chấp hành đúng quy trình kỹ thuật phòng cháy rừng trên địa bàn quản lý. - Đối với diện tích rừng phòng hộ, đặc dụng vùng đồi núi, Ban Quản lý rừng Phòng hộ và Đặc dụng tỉnh khẩn trương thực hiện phát và đốt dọn cỏ cục bộ làm giảm vật liệu cháy trong rừng; đốt dọn các tuyến băng trắng, vùng đệm chống cháy lan từ ngoài vào, nhất là các khu vực giáp diện tích sản xuất nông nghiệp, thời gian thực hiện hoàn thành trước khi vào cao điểm của mùa khô. - Diện tích rừng đồng bằng tập trung như: rừng Tràm Trà Sư, Nhon Hưng, Vĩnh Châu, Bình Minh, Lâm trường Tỉnh đội, Tân Tuyến phải thực hiện duy trì nước	rừng và vận động cộng đồng dân cư tại chỗ tham gia chữa cháy rừng khi có sự cố xảy ra. - Các chủ rừng có diện tích lớn phải đảm bảo nhân lực để tuần tra, bảo vệ và xử lý những tình huống tại chỗ kịp thời khi mới xuất hiện đám cháy.	
--	---	--	--

		dưới kênh, đốt dọn gốc rạ giáp rừng, đốt dọn cỏ trên các tuyến kênh và thực hiện vệ sinh rừng.. - Xây dựng kế hoạch diễn tập chữa cháy rừng tại địa phương với quy mô nhỏ trong khả năng kinh phí cho phép.		
--	--	---	--	--

./.